CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG ***AN GIANG IMPORT EXPORT COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAMNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness***
Số/*No*: 122 /XNK-CBTT	*An Giang, ngày 12 tháng 03 năm 2026* *An Giang, 03 March 2026*

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Digitally signed by CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
DN: C=VN, S=AN GIANG, L=Phường Long Xuyên, CN=CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:1600230737
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-03-12 14:53:22
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/*To*: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*State Securities Commission***
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*

1. **Tên tổ chức/*Organization name*: CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**
AN GIANG IMPORT EXPORT COMPANY
   - Mã chứng khoán/*Stock code*: **AGM**
   - Địa chỉ/*Address*: Số 01, Ngô Gia Tự, Khóm 1, Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
No. 01 Ngo Gia Tu, Hamlet 1, Long Xuyen Ward, An Giang Province
   - Điện thoại/*Phone*: 0296. 3844 669 - 9999 999 Fax: 0296.3843 239.
   - E-mail: info@angimex.com

2. **Nội dung thông tin công bố/*Information disclosure content*:**

   a. Báo cáo Tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán/*The audited separate Financial Statements for 2025.*

   b. Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán/*The audited consolidated Financial Statements for 2025.*

   Giải trình chênh lệch Lợi nhuận năm 2025 so với Lợi nhuận năm 2024 đã kiểm toán/ *Explanation of the variance between the profit in 2025 and the audited profit in 2024.*

   Giải trình chênh lệch Lợi nhuận trước và sau kiểm toán/*Explanation of the variance between profit before audit and profit after audit.*

   Giải trình về ý kiến của Công ty kiểm toán/*Explanation of the auditor's opinion.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang vào ngày /03/2026 tại địa chỉ: http://www.angimex.com.vn/*This information was published on the website of An Giang Import Export Company on March ...., 2025 at: http://www.angimex.com.vn.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby commit that the information published above is true and take full legal responsibility for the content of the published information*

Tài liệu đính kèm/*Attached documents*:

1. Báo cáo Tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán/*The audited separate Financial Statements for 2025*;
2. Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán/*The audited consolidated Financial Statements for 2025*;

3. Công văn số:121/XNK-TCKT ngày 12/03/2026 về việc: (1) Giải trình chênh lệch Lợi nhuận năm 2025 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2024 đã kiểm toán.(2) Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán và (3) Giải trình ý kiến của Công ty kiểm toán/*Official Letter No.: .../XNK-TCKT dated .../03/2026 regarding: (1) Explanation of the variance between the audited profit in 2025 and the audited profit in 2024;(2) Explanation of the variance between profit before audit and after audit; and (3) Explanation of the auditor's opinion.*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
ANGIMEX
M.S.D.N: 1600230737

LƯƠNG ĐỨC TÂM

Nơi nhận/Recipients:
- Như trên/*As above*;
- Lưu/*Filed at:* VT/*Archives*, Người được UQ CBTT/*Person Authorized to Disclose Information.*

Member of MSI Global Alliance

AN GIANG IMPORT-EXPORT COMPANY

AUDITED CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
For the year ended on December 31st, 2025

HM

SOUTHERN AUDITING & ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD.
MEMBER OF MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Vo Thi Sau Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City - Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

INDEX

Contents	Page(s)
REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT	02 - 04
INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT	05 - 06
AUDITED CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS	
- Consolidated Balance Sheet	07 - 10
- Consolidated Income Statement	11 - 11
- Consolidated Cash Flows Statement	12 - 13
- Notes to the Consolidated Financial Statements	14 - 45

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Board of Management of An Giang Import-Export Company (the "Company") presents theirs report and the Company's consolidated financial statements for the year ended on December 31st, 2025.

I. THE COMPANY

1. Ownership structure

An Giang Import-Export Company ("the Company"), formerly known as An Giang Foreign Trade Company, was established under Decision No. 73/QD-76 issued by the People's Committee of An Giang province on July 23rd, 1976. The company was approved to be converted into a joint-stock company under Decision No. 1385/QD-CTUB dated May 12th, 2005 of the People's Committee of An Giang province and officially transformed into a joint-stock company under the Business license No. 5203000083 dated December 27th, 2007 and the Business Registration Certificate No. 1600230737, first issued on December 27th, 2007, and amended for the 33rd time on January 26th, 2026.

Chartered capital (in the Business Registration Certificate)	:	182.000.000.000 VND
Contributed capital as at December 31st, 2025	:	182.000.000.000 VND

Head quarter: No. 01 Ngo Gia Tu Street, Hamlet 1, Long Xuyen Ward, An Giang Province.

2. Operating industry: Produce and Trade.

3. Principal activities

According to the Business Registration Certificate, the main business lines of the Company are as follows:

- Milling paddy rice and producing coarse flour;
- Polishing rice and exporting rice;
- Trading in grains/cereals and food products;
- Trading in motorcycles and their spare parts;
- Manufacturing fertilizers and trading in agricultural chemicals.

4. Business structure

Name	Address	Rate of benefit		Voting right ratio	
		Closing balance	Opening balance	Closing balance	Opening balance
Subsidiaries:					
Angimex Food Processing One Member Co., Ltd	*Plot number 55, map sheet 19, Vinh Gia Commune, An Giang Province*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*
Angimex Food Co., Ltd	*National Highway 91, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province*	*0,00%*	*100,00%*	*0,00%*	*100,00%*
Angimex Dinh Thanh One Member Co., Ltd (Subsidiary company of Angimex Food Processing One Member Co., Ltd)	*Group 8, Hoa Thoi Hamlet, Dinh My Commune, An Giang Province*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*
Dong Thap Food Processing One Member Co., Ltd (Subsidiary company of Angimex Food Processing One Member Co., Ltd)	*DT852 Road, Tan Lap Hamlet, Sa Dec Ward, Dong Thap Province*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*
Associates:					
Angimex - Kitoku Co., Ltd	*National Highway 91, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province*	*32,96%*	*32,96%*	*32,96%*	*32,96%*
Golden Paddy Joint Stock Company	*Phu Hoa 2 Hamlet, Binh Hoa Commune, An Giang Province*	*29,55%*	*29,55%*	*29,55%*	*29,55%*
Louis Angimex Trading Co., Ltd	*14 Nguyen Van Vinh Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City*	*49,00%*	*49,00%*	*49,00%*	*49,00%*

Angimex Furious Co., Ltd	*No. 26 Tran Hung Dao Street, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province*	*49,00%*	*49,00%*	*49,00%*	*49,00%*
Angimex Food Joint Stock Company	*National Highway 91, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province*	*60,00%*	*0,00%*	*45,00%*	*0,00%*

Jointly ventures: none

Dependent units without legal status: none

II. EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE

Board of Management states : there have been no significant events occurring after the Balance sheet date, which would require adjustments or disclosures to be made in the consolidated financial statements.

III. BOARD OF DIRECTORS, AUDIT COMMITTEE, BOARD OF MANAGEMENT, AND LEGAL REPRESENTATIVE

Board of Directors

*** Year 2025 (term 2021–2025), the term ends during the Annual General Meeting of Shareholders on December 22nd, 2025.**

Mr.	Luong Duc Tam	Chairman	Appointed on October 18th, 2025
Mr.	Le Tien Thinh	Chairman	Dismissed on October 18th, 2025
Mr.	Pham Huu Giao	Vice Chairman	Appointed on October 18th, 2025
Mr.	Nguyen Trung Ha	Member	Appointed on October 18th, 2025
Mr.	Huynh Thanh Tung	Member	Appointed on October 18th, 2025
Mr.	Chu Van Dung	Independent Board Member	
Mr.	Do Minh Duc	Member	Dismissed on October 18th, 2025
Mr.	Nguyen Doan Manh Hieu	Member	Dismissed on October 18th, 2025
Mr.	Nguyen Huu Phu	Member	Dismissed on October 18th, 2025

*** Term 2026 -2030**

Mr.	Luong Duc Tam	Chairman	Appointed on December 22nd, 2025
Mr.	Nguyen Trung Ha	Member	Appointed on December 22nd, 2025
Mr.	Huynh Thanh Tung	Member	Appointed on December 22nd, 2025
Ms	Tran Thi Cam Cham	Member	Appointed on December 22nd, 2025
Mr.	Chu Van Dung	Independent Board Member	Appointed on December 22nd, 2025

Audit Committee

Mr.	Chu Van Dung	Chairman of the Audit Committee	
Mr.	Do Minh Duc	Member	Dismissed on October 18th, 2025
Mr.	Nguyen Trung Ha	Member	Appointed on October 18th, 2025 Dismissed on December 22nd, 2025
Ms	Tran Thi Cam Cham	Member	Appointed on December 29th, 2025

Board of Management

Mr.	Luong Duc Tam	General Director	Dismissed on April 21st, 2025
Mr.	Nguyen Hoang Tien	General Director	Appointed on April 23rd, 2025 Dismissed on October 20th, 2025
Mr.	Huynh Thanh Tung	General Director	Appointed on October 20th, 2025
Mr.	Pham Huu Giao	Deputy General Director	Appointed on October 21st, 2025
Mr.	Nguyen Minh Tuan	Deputy General Director	Appointed on November 13th, 2025 Dismissed on January 6th, 2026

Chief Accountant

Ms	Tran Thi Cam Cham	Dismissed on May 5th, 2025
Mr.	Nguyen Nhat Tan	Appointed on May 5th, 2025 Dismissed on October 21st, 2025
Mr.	Tran Minh Trong	Appointed on October 21st, 2025

Legal representative

Mr. Luong Duc Tam

According to the above list, no one in the Board of Directors, Audit Committee and the Board of Management use their authorised power in management and operation of the Company to obtain any benefits other than the standard benefits from holding shares as other shareholders.

IV. AUDITORS

Southern Accounting and Auditing Financial Consulting Services Co., Ltd. (AASCS) was appointed to perform the audit of the consolidated financial statements of the Company.

V. DISCLOSURE RESPONSIBILITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT FOR CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

The Company's Board of Management is responsible for preparing the consolidated financial statements which give a true and fair view of the financial position, operation results and cash flows statement of the Company for the year ended on December 31st, 2025. In preparing these consolidated financial statements, Board of Management commit to comply with the following requirements:

- Develop and maintain internal controls that the Board of Directors and the Board of Management determine as necessary to ensure that the preparation and presentation of consolidated financial statements no longer contains material misstatements due to fraud or due mistake;
- Selecting suitable accounting policies and then applying them consistently;
- Making reasonable and prudent judgments and estimates;
- Prepare the consolidated financial statements on the basis of compliance with accounting standards and system and other related regulations;
- Prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

Company's Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept to disclose the financial position of the Company, with reasonable accuracy at any time, and ensuring that the consoliadated financial statements comply with the current regulations of the State. At the same time, Board of Management is also responsible for ensuring the safety the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of any frauds and other violations.

We, the Board of Management, confirm that the consolidated financial statements give a true and fair view of financial position December 31st, 2025, its consolidated operation results and consolidated cash flows for the fiscal year 2025 of the Company in accordance with the Vietnamese Accounting Standard, Vietnamese Enterprise Accounting System and statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the financial statements.

VI. APPROVAL OF CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

We, Board of Management of An Giang Import-Export Company approve consolidated financial statements for the year ended on December 31st, 2025.

Prepared on March 04th, 2026

For and on behalf of the Board of Directors	**For and on behalf of the Board of Management**
Luong Duc Tam	**Huynh Thanh Tung**
Chairman	General Director

No: ...089..... /BCKT-TC/2026/AASCS

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

To: **Sharehoolders, Board of Directors, and Board of Management**
AN GIANG IMPORT-EXPORT COMPANY

Report on the Consolidated Financial Statements

We have audited the accompanying consolidated financial statements of An Giang Import-Export Company, prepared on March 04th, 2026, as set out on page 07 to 44, which comprise the Consolidated Balance Sheet as at December 31st, 2025, Consolidated Income Statement, Consolidated Cash flows Statement for the fiscal year then ended and Notes to the consolidated financial statements.

The Board of Management's responsibilities

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the consolidated financial statements, and for such internal controls that the Board of Management determines is necessary to enable the preparation and presentation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's responsibilities

Our responsibility is to express an opinion on the financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirement, plan and perform the audit in order to obtain reasonable assurance as to whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence supporting the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessment, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our qualified audit opinion.

Basis for Qualified Opinion

As at the date of this report, the following balances of accounts receivable/payable have not been confirmed:

Trade receivables :	172.099.829.729	VND
Advances to suppliers :	140.894.971.033	VND
Other receivables :	40.715.994.164	VND
Trade payables :	16.444.149.897	VND
Advances from customers :	66.864.365.451	VND
Other payables :	22.180.930.255	VND
Deposits received :	418.733.802	VND

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Qualified Opinion

In our opinion, except for the effects of the matters described in the "Basis for Qualified Opinion" paragraph, the consolidated financial statements present fairly, in all material respects, the consolidated financial position of An Giang Import-Export Company as at December 31st, 2025, its consolidated financial performance and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting.

Emphasis of Matters

- We draw attention to Note VIII.3 "Information on going-concern assumption" in the financial statements, which states that the accumulated losses as at December 31st, 2025 amounted to 522.195.073.088 VND exceeding the owners' contributed capital and owners' equity; the total liabilities exceeded total assets by 340.195.073.088 VND, indicating that the Company may be at risk of bankruptcy; short-term liabilities exceeded current assets by 1.115.584.613.027 VND, meaning that the Company's ability to settle short-term liabilities is not assured. These conditions, together with other matters described in Note VIII.3, indicate the existence of a material uncertainty that may cast significant doubt on the Company's ability to continue as a going concern. Nevertheless, the Company's Board of Management believes in the positive operating results in the foreseeable future, supported by financial assistance from creditors. Accordingly, the Company's financial statements have been prepared and presented by the Board of Management on a going concern basis.

- As disclosed in Note V.13 to the financial statements, the Company has bank loans that are overdue for more than one year, amounting to 271.450.032.818 VND as presented in the financial statements. To date, the Company has not obtained sufficient financing to repay these overdue amounts on schedule.

- Also in Note V.13, the Company has long-term obligations that have become due and are overdue for more than one year, comprising finance lease liabilities of 25.363.106.790 VND and bonds payable of 560.001.000.000 VND. The Company has not yet arranged adequate financing to settle these overdue long-term debts on time.

- As disclosed in Note V.18, the Company has accrued interest expenses that are overdue for more than one year, including bank loan interest of 23.284.331.414 VND, finance lease interest of 4.238.831.427 VND and bond interest of 214.609.272.814 VND. The Company has not yet secured the necessary financing to settle these overdue interest payables on schedule.

Other matter

The consolidated financial statements of the Company for the financial year 2024 were audited by an independent auditor from another audit firm, signed on March 25th, 2025. The auditor expressed an unmodified opinion with an emphasis of matter paragraph regarding accounts trade receivable, advances to suppliers, overdue bonds payable, the operating status of Company's subsidiaries, and the Company's ability to continue as a going concern.

Ho Chi Minh City, March 04th, 2026

Southern Accounting and Auditing Financial Consulting Services Co., Ltd. (AASCS)

Deputy General Director

Nguyen Thi Tuyet
Practicing Auditor Registration
Certificate No.: 0624-2023-142-1

Auditor

Vo Thi My Huong
Practicing Auditor Registration
Certificate No.: 0858-2023-142-1

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at December 31st, 2025

Unit: VND

Item	Code	Note	Closing balance	Opening balance
A. SHORT-TERM ASSETS	**100**		**149.016.277.190**	**194.399.973.410**
I. Cash and cash equivalents	**110**	V.1	**6.694.452.954**	**5.751.655.784**
Cash	111		4.152.010.988	3.280.957.747
Cash equivalents	112		2.542.441.966	2.470.698.037
II. Short-term investments	**120**			
Trading securities	121			
Provisions for devaluation of trading securities	122			
Held to maturity investments	123			
III. Short-term receivables	**130**		**135.682.002.652**	**156.835.411.828**
Short-term trade receivables	131	V.2	183.492.260.199	176.053.139.187
Short-term advances to suppliers	132	V.3	123.390.221.033	146.831.683.032
Short-term intra-company receivables	133			
Receivables under schedule of construction contract	134			
Short-term loan receivables	135	V.5	1.700.000.000	3.280.000.000
Other short-term receivables	136	V.6	71.614.774.459	73.995.711.315
Short-term provisions for doubtful debts	137	V.7	(244.515.253.039)	(243.325.121.706)
Shortage of assets awaiting resolution	139			
IV. Inventories	**140**	V.8	**178.297.382**	**10.255.254.615**
Inventories	141		6.923.826.371	19.073.109.991
Provisions for devaluation of inventories	149		(6.745.528.989)	(8.817.855.376)
V. Other current assets	**150**		**6.461.524.202**	**21.557.651.183**
Short-term prepaid expenses	151	V.14	18.043.109	138.496.439
Deductible VAT	152		6.443.481.093	21.419.154.744
Taxes and other receivables from State budget	153	V.17		
Government bonds purchased for resale	154			
Other current assets	155			

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at December 31st, 2025

Unit: VND

Item	Code	Note	Closing balance	Opening balance
B. LONG-TERM ASSETS	**200**		**784.550.091.876**	**842.492.598.470**
I. Long-term receivables	**210**		**213.041.016.890**	**213.041.016.890**
Long-term trade receivables	211			
Long-term advances to suppliers	212	V.3	213.040.016.890	213.040.016.890
Working capital provided to sub-units	213			
Long-term intra-company receivables	214			
Long-term loan receivables	215			
Other long-term receivables	216	V.6	1.000.000	1.000.000
Long-term provisions for doubtful debts	219			
II. Fixed assets	**220**		**375.315.998.122**	**443.659.962.048**
Tangible fixed assets	221	V.10	155.703.724.578	178.507.571.985
- Historical costs	222		345.019.359.285	379.994.046.219
- Accumulated depreciation	223		(189.315.634.707)	(201.486.474.234)
Finance lease fixed assets	224	V.12	71.010.604.788	76.889.385.312
- Historical costs	225		91.045.137.627	91.045.137.627
- Accumulated depreciation	226		(20.034.532.839)	(14.155.752.315)
Intangible fixed assets	227	V.11	148.601.668.756	188.263.004.751
- Historical costs	228		166.292.979.987	205.742.779.987
- Accumulated ammortisation	229		(17.691.311.231)	(17.479.775.236)
III. Investment properties	**230**			
- Historical costs	231			
- Accumulated depreciation	232			
IV. Long-term assets in progress	**240**		**12.319.007.407**	**12.638.604.407**
Long-term work in progress	241			
Construction in progress	242	V.9	12.319.007.407	12.638.604.407
V. Long-term investments	**250**	V.4	**108.830.873.765**	**87.453.292.970**
Investments in subsidiaries	251			
Investments in joint ventures and associates	252		108.830.873.765	81.017.492.970
Investments in other entities	253		19.950.000	6.455.750.000
Provisions for long-term investments	254		(19.950.000)	(19.950.000)
Held to maturity investments	255			
VI. Other long-term assets	**260**		**75.043.195.692**	**85.699.722.155**
Long-term prepaid expenses	261	V.14	2.888.909.895	4.049.374.438
Deferred income tax assets	262			
Long-term equipment and spare parts for replacement	263			
Other long-term assets	268			
Goodwill	269		72.154.285.797	81.650.347.717
TOTAL ASSETS (270=100+200)	**270**		**933.566.369.066**	**1.036.892.571.880**

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at December 31st, 2025

Unit: VND

Item	Code	Note	Closing balance	Opening balance
C. LIABILITIES	**300**		**1.273.761.442.154**	**1.280.656.318.171**
I. Short-term liabilities	**310**		**1.264.600.890.217**	**1.266.299.869.190**
Short-term trade payables	311	V.15	46.968.965.126	32.285.236.062
Short-term advances from customers	312	V.16	52.654.431.926	70.418.731.534
Taxes and other payables to State budget	313	V.17	991.914.078	1.458.668.365
Payables to employees	314		388.973.987	859.710.130
Short-term accrued expenses	315	V.18	244.959.718.313	188.267.644.231
Short-term intra-company payables	316			
Payables under schedule of construction contract	317			
Short-term unearned revenues	318			
Other short-term payables	319	V.19	26.456.777.270	26.723.324.931
Short-term borrowings and finance lease liabilities	320	V.13	887.014.468.884	941.785.311.320
Short-term provisions	321		1.814.166.141	579.068.125
Bonus and welfare fund	322		3.351.474.492	3.922.174.492
Price stabilization fund	323			
Government bonds purchased for resale	324			
II. Long-term liabilities	**330**		**9.160.551.937**	**14.356.448.981**
Long-term trade payables	331			
Long-term advances from customers	332			
Long-term accrued expenses	333			
Intra-company payables for operating capital received	334			
Long-term intra-company payables	335			
Long-term unearned revenues	336			
Other long-term payables	337	V.19	1.093.733.802	945.200.000
Long-term borrowings and finance lease liabilities	338	V.13	8.066.818.135	12.075.150.965
Convertible bonds	339			
Preference shares	340			
Deferred income tax payables	341			
Long-term provisions	342			1.336.098.016
Science and technology development fund	343			

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at December 31st, 2025

Unit: VND

Item	Code	Note	Closing balance	Opening balance
D. OWNER'S EQUITY	**400**		**(340.195.073.088)**	**(243.763.746.291)**
I. Owner's equity	**410**	V.20	**(340.195.073.088)**	**(243.763.746.291)**
Contributed capital	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Ordinary shares with voting rights	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
- Preference shares	411b			
Capital surplus	412			
Conversion options on convertible bonds	413			
Other capital	414			
Treasury shares	415			
Differences upon asset revaluation	416			
Exchange rate differences	417			
Development and investment funds	418			
Enterprise reorganization assistance fund	419			
Other equity funds	420			
Undistributed profit after tax	421		(522.195.073.088)	(425.763.746.291)
- Undistributed profit after tax brought forward	421a		(417.525.434.761)	(165.969.126.260)
- Undistributed profit after tax for the current period	421b		(104.669.638.327)	(259.794.620.031)
Capital expenditure funds	422			
Non-controlling interest	429			
II. Funding sources and other funds	**430**			
Funding sources	431			
Funds used for fixed asset acquisition	432			
TOTAL SOURCES (440=300+400)	**440**		**933.566.369.066**	**1.036.892.571.880**

Prepared on March 04th, 2026

Prepared by	Chief Accountant	Chairman
LE HUYNH TUYET NHI	TRAN MINH TRONG	LUONG DUC TAM

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

Year 2025

Unit: VND

Items	Code	Note	Current year	Previous year
Revenues from sales and services rendered	**01**	VI.1	**21.502.993.334**	**240.921.330.477**
Revenue deductions	02			1.517.975
Net revenues from sales and services rendered (10=01-02)	**10**	VI.2	**21.502.993.334**	**240.919.812.502**
Costs of goods sold	11	VI.3	33.143.753.259	249.217.836.237
Gross revenues from sales and services rendered (20=10-11)	**20**		**(11.640.759.925)**	**(8.298.023.735)**
Financial income	21	VI.4	17.936.108.149	9.197.181.016
Financial expenses	22	VI.5	88.577.890.952	107.287.200.071
- In which: Interest expenses	*23*		*86.712.567.058*	*93.173.237.828*
Share gain/(loss) of joint ventures and associates	24		(4.356.717.371)	(18.669.575.754)
Selling expenses	25	VI.8	279.472.736	6.951.969.653
General administration expenses	26	VI.8	20.071.139.219	128.366.914.286
Net profits from operating activities {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**(106.989.872.054)**	**(260.376.502.483)**
Other income	31	VI.6	30.159.538.600	1.562.392.202
Other expenses	32	VI.7	27.815.840.419	980.509.750
Other profits (40=31-32)	**40**		**2.343.698.181**	**581.882.452**
Total net profit before tax (50=30+40)	**50**		**(104.646.173.873)**	**(259.794.620.031)**
Current corporate income tax expenses	51	VI.9	23.464.454	
Deferred corporate income tax expenses	52			
Profits after corporate income tax (60=50-51-52)	**60**		**(104.669.638.327)**	**(259.794.620.031)**
Profit after tax of the parent company	61		(104.669.638.327)	(259.794.620.031)
Profit after tax of non-controlling shareholder	62			
Basic earnings per share	70	VI.11	(5.751)	(14.274)

Prepared on March 04th, 2026

Prepared by	Chief Accountant	Chairman
LE HUYNH TUYET NHI	TRAN MINH TRONG	LUONG DUC TAM

CONSOLIDATED CASH FLOWS STATEMENT

(Under indirect method)

Year 2025

Unit: VND

Items	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
Profit before tax	**01**		**(104.646.173.873)**	**(259.794.620.031)**
Adjustments for				
- Depreciation of fixed assets and investment properties	02		23.365.550.333	23.994.991.744
- Provisions	03		(882.195.054)	80.521.518.399
- (Gains) / losses of unrealized exchange rate difference due to revaluation of monetary items	04		1.150.130.918	839.313.882
- (Profits) / losses from investing activities	05		(3.655.753.769)	10.474.476.570
- Interest expenses	06		86.712.567.058	93.173.237.828
- Other adjustments	07		(60.711.138.000)	
Operating profit before movements in working capital	**08**		**(58.667.012.387)**	**(50.791.081.608)**
- (Increase) / decrease in receivables	09		33.358.951.494	(34.337.333.535)
- (Increase) / decrease in inventories	10		12.149.283.620	5.828.279.847
- Increase / (decrease) payables (exclusive of interest payables, enterprise income tax payables)	11		(25.721.422.733)	77.418.724.437
- (Increase) / decrease in prepaid expenses	12		1.280.917.873	10.810.072.336
- (Increase) / decrease in trading securities	13			
- Interest paid	14		(60.364.403)	(17.163.407.636)
- Corporate income tax paid	15			
- Other receipts from operating activities	16			3.303.027
- Other payments on operating activities	17		(570.700.000)	(537.465.137)
Net cash flows from operating activities	**20**		**(38.230.346.536)**	**(8.768.908.269)**
II. Cash flows from investing activities				
Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets	21		(170.000.000)	(14.400.548.182)
Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		36.693.970.385	30.492.878.380
Loans and purchase of debt instruments from other entities	23			(5.520.000.000)
Collection of loans and repurchase of debt instruments of other entities	24		1.580.000.000	12.768.400.000
Equity investments in other entities	25			
Proceeds from equity investment in other entities	26		6.435.800.000	15.085.636.452
Interest and dividend received	27		1.197.746.207	2.288.688.388
Net cash flows from investing activities	**30**		**45.737.516.592**	**40.715.055.038**

CONSOLIDATED CASH FLOWS STATEMENT

(Under indirect method)

Year 2025

Unit: VND

Items	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
Proceeds from issuance of shares and receipt of contributed capital	31			
Repayments of contributed capital and repurchase of stock issued	32			
Proceeds from borrowings	33		15.747.928.095	62.550.826.210
Repayment of principal	34		(22.316.466.825)	(88.713.739.218)
Repayment of financial leases principal	35			(7.394.250.062)
Dividends or profits paid to owners	36			
Net cash flows from financing activities	**40**		**(6.568.538.730)**	**(33.557.163.070)**
Net cash flows during the year (50=20+30+40)	**50**		**938.631.326**	**(1.611.016.301)**
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	**60**	V.1	**5.751.655.784**	**7.362.686.712**
Effect of changing foreign exchange rate	61		4.165.844	(14.627)
Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60+61)	**70**	V.1	**6.694.452.954**	**5.751.655.784**

Prepared on March 04th, 2026

Prepared by	Chief Accountant	Chairman
LE HUYNH TUYET NHI	TRAN MINH TRONG	LUONG DUC TAM

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Year 2025

I. GENERAL OPERATION

1. Form of ownership

An Giang Import-Export Company ("the Company"), formerly known as An Giang Foreign Trade Company, was established under Decision No. 73/QD-76 issued by the People's Committee of An Giang province on July 23rd, 1976. The company was approved to be converted into a joint-stock company under Decision No. 1385/QD-CTUB dated May 12th, 2005 of the People's Committee of An Giang province and officially transformed into a joint-stock company under the Business license No. 5203000083 dated December 27th, 2007 and the Business Registration Certificate No. 1600230737, first issued on December 27th, 2007, and amended for the 33rd time on January 26th, 2026.

Chartered capital (in the Business Registration Certificate)	:	182.000.000.000	VND
Contributed capital as at December 31st, 2025	:	182.000.000.000	VND

Head quarter: No. 01 Ngo Gia Tu Street, Hamlet 1, Long Xuyen Ward, An Giang Province.

The total number of employees as at December 31st, 2025: 12.

2. Business fields

Produce and Trade.

3. Business lines

According to the Business Registration Certificate, the main business lines of the Company are as follows:

- Milling paddy rice and producing coarse flour;
- Polishing rice and exporting rice;
- Trading in grains/cereals and food products;
- Trading in motorcycles and their spare parts;
- Manufacturing fertilizers and trading in agricultural chemicals.

4. Normal production and business cycle: 12 months

5. Characteristics of the business activities in the fiscal year that affect the consolidated financial statements

None.

6. Business structure

Name	Address	Rate of benefit		Voting right ratio	
		Closing balance	Opening balance	Closing balance	Opening balance
Subsidiaries:					
Angimex Food Processing One Member Co., Ltd	*Plot number 55, map sheet 19, Vinh Gia Commune, An Giang Province*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*
Angimex Food Co., Ltd	*National Highway 91, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province*	*0,00%*	*100,00%*	*0,00%*	*100,00%*
Angimex Dinh Thanh One Member Co., Ltd (Subsidiary company of Angimex Food Processing One Member Co., Ltd)	*Group 8, Hoa Thoi Hamlet, Dinh My Commune, An Giang Province*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*
Dong Thap Food Processing One Member Co., Ltd (Subsidiary company of Angimex Food Processing One Member Co., Ltd)	*DT852 Road, Tan Lap Hamlet, Sa Dec Ward, Dong Thap Province*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*

Associates:

Angimex - Kitoku Co., Ltd	*National Highway 91, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province*	*32,96%*	*32,96%*	*32,96%*	*32,96%*
Golden Paddy Joint Stock Company	*Phu Hoa 2 Hamlet, Binh Hoa Commune, An Giang Province*	*29,55%*	*29,55%*	*29,55%*	*29,55%*
Louis Angimex Trading Co., Ltd	*14 Nguyen Van Vinh Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City*	*49,00%*	*49,00%*	*49,00%*	*49,00%*
Angimex Furious Co., Ltd	*No. 26 Tran Hung Dao Street, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province*	*49,00%*	*49,00%*	*49,00%*	*49,00%*
Angimex Food Joint Stock Company	*National Highway 91, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province*	*60,00%*	*0,00%*	*45,00%*	*0,00%*

Jointly ventures: none
Dependent units without legal status: none

II. ACCOUNTING PERIOD, CURRENCY UNIT USED IN ACCOUNTING

1. Accounting period

Annual accounting period of Company is from 01st January to 31st December.

2. Currency unit

The accounting currency unit is Vietnam Dong (VND).

III. ACCOUNTING STANDARDS AND ACCOUNTING SYSTEM

1. Accounting system

The Company applies Enterprise Accounting System issued under the Circular No.200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 by Ministry of Finance as well as the circulars of the Ministry of Finance giving guidance on the implementation of the accounting standards and system.

2. Declaration on compliance with Accounting Standards and Accounting System

The Board of Management ensure to follow all the requirements of the current Vietnamese Accounting standards and Vietnamese Enterprise Accounting system issued under the Circular No.200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, the Circular No.53/2016/TT-BTC in year 2016 amending and supplementing Circular No. 200/2014/2014/TT-BTC as well as circulars guiding the implementation of accounting standards of the Ministry of Finance in preparing consolidate financial statement.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation financial statements

The consolidated financial statements are prepared on the basis of accrual accounting (except for information related to cash flows).

2. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand, demand deposits, cash in transit and monetary gold. Cash equivalents are short-term investments (for a period not exceeding 3 months) that are readily convertible to known amount of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

3. Financial investment

Financial investment is the outside investments with purpose to use capital reasonably and improve efficiency of business operations such as investments in subsidiaries, joint ventures, associates, investment in securities and other financial investments ...

For the preparation of consolidated financial statements, the financial investment must be classified as bellows:
- Having maturity not exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as short - term.
- Having maturity exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as long - term.

Investments in subsidiaries, associates

Subsidiaries are enterprises controlled by the Company. Control is achieved when the Company has the ability to control the financial and operating policies of the investee enterprise in order to obtain economic benefits from that enterprise's activities.

Investments in subsidiaries are recognized at cost. Dividends and profits of periods before the investment is purchased are accounted for as a decrease in the value of that investment itself. Dividends and profits of periods after the investment is purchased are recorded as revenue. Dividends received in shares are only tracked by the number of additional shares, the value of shares received is not recorded.

Provision for investments losses in subsidiaries are made when the subsidiary incurs a loss at a level equal to the difference between the actual capital contributions of the parties in the subsidiary and the actual equity multiplied by the capital contribution ratio of the Corporation/Enterprise compared to the total actual capital contribution of the parties at the subsidiary. If the subsidiary is the subject of preparation of the Consolidated Financial Statements, the basis for determining loss provisions is the Consolidated Financial Statements.

Loans

Loans are determined at cost less provisions for bad debts. Provision for bad debts of loans is established based on the expected level of loss that may occur.

Investments in other entities' equity instruments

Investments in other entities' equity instruments reflect equity instrument investments but the Company does not have control, co-control or significant influence over the investments.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at cost, which includes the purchase price or capital contribution plus direct costs related to investment activities. Dividends and profits of periods before the investment is purchased are accounted for as a decrease in the value of that investment itself. Dividends and profits of periods after the investment is purchased are recorded as revenue. Dividends received in shares are only tracked by the number of additional shares, the value of shares received is not recorded/recorded at par value.

4. Receivables

All receivables must be recorded detail by aging, by each client and in original currency if any and others details depending on the management request of the company.

The classification of receivables must be managed as bellows:
- Trade receivables: any receivable having from trading activities between the company and its clients: selling goods, providing service, disposal of assets, exported receivable of consigner through the consignee;
- Intra-company receivables: receivables between the company with its dependent branches;
- Other receivables: are non trade receivables and do not relate to trading activities.

For the preparation of consolidated financial statements, the receivables must be classified as bellows:
- Having maturity not exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as short - term.
- Having maturity exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as long - term.

At the reporting date, the company revaluates the receivables which have balance in foreign currency (except for advance to suppliers; if we have evidence that the supplier will not supply the good or provide the service and the company will receive back this advance in foreign currency, this advance will be treated as monetary item having foreign currency) at the buying price quoted by commercial bank which is trading with the company at the reporting date.

Provisions for bad debts: The bad debts are make provision at the balance sheet date. The provision or reversal is made at the reporting date and is recorded as management expense of the fiscal year. For the long-term bad debts in many years, the company tried to collect but cannot and there is evidence that the client has insolvency, the company may sell these long-term bad debts to debt collection company or write off (according to regulations and charter of the company).

5. Inventories

Inventories are stated at original cost. Where the net realizable value is lower than cost, inventories should be measured at the net realizable value.

The original cost of inventory is determined as follows:

- Raw materials and goods: includes purchasing costs and other directly related costs incurred to bring inventory to its current location and condition.
- Finished products: includes raw material costs, direct labor and related manufacturing overhead costs that are further allocated based on normal operating levels/land use rights costs, direct costs and Related general costs incurred during the investment and construction process of real estate products.
- Cost of production and business in progress: only includes the cost of main raw materials (or other appropriate cost elements).

Net realizable value is the estimated selling price of inventories in the ordinary course of business less the estimated costs of completion and the estimated costs necessary to sell them.

The assets are purchased for the production, use or sale are not presented in this item on the balance sheet but are presented in item Long-term assets, including:

- Unfinished products have a production and rotation period exceeding one regular business cycle (over 12 months);
- Supplies, equipment, spare parts with a reserve time of over 12 months or more than a normal production and business cycle.

Cost of inventories are determined in accordance with method: weighted average.

Inventories are recorded in line with perpetual method.

Provision for devaluation of inventories: Provision for devaluation of inventories is made at the end of the period as the difference between the original cost of inventories greater than their net realizable value. For services provided in progress, the provision for discounts is calculated according to each type of service with a separate price. Increases and decreases in provision for devaluation of inventories that need to be appropriated at the end of the accounting period are recorded in cost of goods sold.

6. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. Cost of a tangible fixed asset is the amount of all expenses paid by the Company to acquire an asset at the time the asset is put into operation for its intended use. The costs incurred after the initial recognition is only recorded an increase in the price of the fixed asset if these cost are sure to increase the economic benefits in the due to the use of that property. These costs do not satisfy the above conditions are recognized as an expense in the year.

When a fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain/(loss) arisen are posted into the income or the expenses during the year.

Depreciation method of tangible fixed assets: Tangible fixed assets are depreciated according to the straight line method based on the estimated useful time as follows:

- Buildings, structures	06 - 50	years
- Machines and equipment	05 - 25	years
- Means of transportations	06 - 15	years
- Office equipment	03 - 20	years

7. Finance lease fixed assets

Leases asset is classified as finance lease if mostly the risks and rewards associated with ownership of the asset are with the lessee. Finance lease fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The cost of a finance lease fixed asset is the lower of the fair value of the leased asset at the beginning of the lease agreement and the present value of the minimum lease payments. The discount rate used to calculate the present value of the minimum lease payment for the lease agreement is the interest rate implied in the lease agreement or the rate stated in the agreement. In case it is not possible to determine the implicit interest rate in the lease agreement, use the loan interest rate at the beginning of the lease.

Finance lease fixed asset are depreciated on a straight-line basis over their estimated useful time. In the unlikely event that the Company will acquire title to the assets at the end of the lease time, the fixed assets will be depreciated over the shorter of the lease time and the estimated useful time. Depreciation years/depreciation rate of finance lease fixed asset are as follows:

- Machines and equipment	15 years

8. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are recorded at cost less accumulated depreciation.

The historical cost of intangible fixed assets includes all costs that the Company must spend to acquire the fixed asset up to the time the asset is put into a ready-to-use state. Costs related to intangible fixed assets that arise after initial recognition are recorded as production and business costs in the period unless these costs are associated with a specific intangible fixed asset. and increase economic benefits from these assets.

When intangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain/(loss) arisen are posted into the income or the expenses during the period.

The Company's intangible fixed assets include:

Land use rights

Land use rights are all actual expenses spent by the Company directly related to the land to be used, including: money spent to acquire land use rights, expenses for compensation and site clearance, ground leveling, registration fees... Land use rights with indefinite are not depreciated.

Land use rights are the land rent that the Company pays once for many years and are granted a Land Use Right Certificate. The leased land use rights are depreciated over the land lease term (from 22 to 44 years).

Computer software

Costs related to computer software programs are not a component of the related hardware that is capitalized. The original cost of computer software is the total cost incurred by the Company up to the point of putting the software into use. Computer software is depreciated using the straight-line method over 5 to 8 years.

9. Construction in progress

Construction in progress reflect costs directly related to the construction of the factory and the installation of unfinished machinery and equipment and not yet installed. Assets in the process of construction in progress and installation are not depreciated.

10. Prepaid expenses

The calculation and allocation to expense to each accounting period based on the nature, level of each prepaid expense to determine the allocation method properly and consistently.

Prepaid expense is recorded separately: incurred, allocated amount to its cost center and carried amount.

Prepaid expense is classified as follows:

- Prepaid expense related to purchase or service not exceeding 12 months or 01 normal production period, from incurred date, are classified as short - term.

- Prepaid expense related to purchase or service exceeding 12 months or 01 normal production period, from incurred date, are classified as long - term.

11. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recognized for amounts to be paid in the future for goods and services received. Accrued expenses are recognized based on reasonable estimates of the amount payable.

The classification of trade payables, accrued expenses, Intra-company payables and other payables is done according to the following principles:

- Trade payables: any payable having from trading activities from purchase, using service, import though consigner;
- Accrued expenses reflect amounts payables for purchase, using service from suppliers or providing already by supplier but not yet paid due to lack of supporting documents and payables to employee are allowed to record to expense;
- Intra-company payables: payables between the company with its dependent branches;
- Other payables: are non trade payables and do not related to trading activities.

For the preparation of separate financial statements, the payables must be classified as bellows:
- Having maturity not exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as short - term.
- Having maturity exceeding 12 months or 01 normal production period are classfied as long - term.

At the reporting date, the Company revaluates the payables denominated in foreign currency (except for advance from clients; if we have evidence that the supplier will not supply the good or provide the service and the company will receive back this advance in foreign currency, this advance will be treated as monetary item having foreign currency) at the selling price quoted by commercial bank which is trading with the Company at the reporting date.

12. Loans and finance lease liabilities

Loans in the form of issuance of bond or preference share with preferential terms required the issuer to repurchase at a certain time in the future shall not be reflected on this item.

Loans, debts should be monitored in detail for each entity, each contract and each type of loan assets. The financial lease liabilities are stated at present value of minimum lease payment or the fair value of the lease assets.

For the preparation of separate financial statements, the loans and finance lease liabilities must be classified as bellows:

- Having maturity not exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as short - term.
- Having maturity exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as long - term.

At the reporting date, the Company revaluates the loans and finance lease liabilities denominated in foreign currency at the selling price quoted by commercial bank which is trading with the Company at the reporting date.

13. Borrowing costs

Borrowing costs include loan interest and other costs incurred directly related to the loans.

Borrowing costs are recognized as an expense during the period. Where borrowing costs are directly related to the investment in construction or production of unfinished assets that require a sufficiently long period (more than 12 months), before they can be put into use for the predetermined purpose or sold. This borrowing cost is capitalized. For specific loans for the construction of fixed assets and investment real estate, interest is capitalized even if the construction period is less than 12 months. Income arising from temporary investment of loans is recorded as a reduction in the historical cost of related fixed assets.

For general loans which are used for investment in construction or production of unfinished assets, the capitalized borrowing cost is determined to the capitalization rate to weighted average accumulated cost for the investment in capital construction or production of that asset. The capitalization rate is calculated using the weighted average interest rate on outstanding loans for the period, excluding separate loans for the purpose of forming a specific asset.

14. Capital

Contributed capital

Capital contribution is stated at actually contributed capital of Company's shareholders.

15. Profit distribution

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after funds have been appropriated according to the Company's Charter as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to shareholders takes into account non-monetary items in undistributed after-tax profits that may affect cash flow and the ability to pay dividends such as interest due to asset revaluation. Contribute capital and profits due to revaluation of monetary items, financial instruments and other non-monetary items.

Dividends are recorded as liabilities when approved by the General Meeting of Shareholders.

16. Revenue and income recognition

Revenue from sale of goods

Revenue from sale of goods should be recognised when all the following conditions have been satisfied:
- The significant risks and rewards of ownership of the goods have been transferred to the buyer;
- The Company retains neither continuing managerial involvement as a neither owner nor effective control over the goods sold;
- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract prescribes that the buyer is entitled to return the service purchased under specific conditions, the enterprise may record revenue only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the service provided (except where the customer has the right to return the goods in exchange for other goods or services);
- The economic benefits associated with the transaction of goods sold have flown or will flow to the Company;
- The costs incurred or to be incurred in respect of the transaction of goods sold can be measured reliably.

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services is recognized when the outcome of that transaction can be determined reliably. In case the service is performed in many periods, the revenue recognized in the period is based on the results of the work completed at the end of the accounting period. Revenue from rendering of services should be recognised when all the following conditions have been satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract prescribes that the buyer is entitled to return the service purchased under specific conditions, the enterprise may record revenue only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the service provided;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the entity;
- The stage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably;
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

Interest

Interest is recognized on an accrual basis, determined on the balance of deposit accounts and the actual interest rate each year.

Other income

Other income includes income other than the company's production and business activities: sale and liquidation of fixed assets; fines due to customers' breach of contract; compensation from third parties to compensate for lost assets; revenue from bad debts that have been written off; debts payable with unidentified owners; income from gifts in cash or in kind...

17. Revenue deductions

The revenue reduction adjustment is made as follows:

- Adjust the revenue reduction of the period if the revenue deductions arise in the same period as the consumption of products, goods and services;
- Adjust the revenue reduction as follows if the revenue deductions arise after the consumption period of products, goods and services:
  + Adjust the revenue reduction on the Financial Statement of the reporting period if the revenue deductions arise before the issuance of the Financial Statement;
  + Adjust the revenue reduction on the Financial Statement of the period after the reporting period if the revenue deductions arise after the issuance of the Financial Statement.

Trade discounts payable are discounts given by a company to customers who purchase goods in large quantities.

Sales discount is a deduction for the buyer due to poor quality, degraded products or goods that do not meet the specifications specified in the economic contract.

Returned goods reflect the value of products and goods returned by customers due to reasons such as breach of commitment, breach of economic contract, poor quality, loss of quality, incorrect type or specification.

18. Costs of goods sold

Cost of good sold includes cost of finished goods, trade goods, services, property, construction unit sold in the production period and expense related to real estate activities...

Damaged or lost value is allowed to record to cost of goods sold after deduction of compensation (if any).

For the used material over the normal production capacity, labor and general production cost is not allowed to record to production cost but allowed to record to cost of good sold after deduction of compensation (if any), even these finished goods are not sold.

19. Financial expenses

Items recorded into financial expenses consist of: expense or loss related to financial investment; lending and borrowing expense; expense related to investment to joint venture, associates; loss from share transfer; provision of share decrease or investment; loss on trading foreign currency, ...

20. Selling and general administration expenses

Selling expense is recorded in the period of selling finished goods, trade goods anf providing service.

Administrative expense reflects the general expense of the company, including: labor cost; social and health insurance, unemplyment fund, union cost of management employee; office material expense, tools, depreciation of assets using for management; land rental, business licence tax; bad detb provision; outsourcing expense and other

21. Foreign currency transactions

Transactions arising in foreign currencies are converted at the exchange rate at the date of the transaction. The balance of monetary items denominated in foreign currencies at the end of the accounting period are converted at the exchange rate on that date.

Exchange rate differences arising during the period from transactions in foreign currencies are recorded in financial income or financial expenses. Exchange rate differences due to revaluation of monetary items denominated in foreign currencies at the end of the accounting period after clearing the increase and decrease difference are recorded in financial income or financial expenses.

The exchange rate used to convert transactions arising in foreign currency is the actual exchange rate at the time the transaction occurred. Actual exchange rates for transactions in foreign currencies are determined as follows:

- Actual exchange rate when buying and selling foreign currencies (spot foreign exchange forward contract, future contract, option contracts, swap contract): to apply exchange rate which is concluded in contract signed between Company and commercial banks;

- If the contract does not stipulate the payment rate:
  + For capital contribution: to apply buying rate of the bank where the Company open the capital bank account;

+ For receivables: to apply buying rate of the bank where the Company assigned customers to make payment at the time of incurred transactions;

+ For payables: to apply selling rate of the bank where the Company expects the transactions at the time of incurred transactions;

+ For purchases of assets or expenses to be paid immediately in foreign currency (not through the payables account): to apply buying rate of the bank where the Company made payments.

The exchange rate used to re-evaluate the balance of monetary items denominated in foreign currencies at the end of the accounting period is determined according to the following principles:

- For foreign currency deposits in banks: the Company's Bank's foreign currency buying rate is regularly traded.
- For monetary items denominated in foreign currencies classified as other assets: the Company's Bank's foreign currency buying rate is regularly traded.
- For monetary items denominated in foreign currencies classified as liabilities: the Company's Bank's foreign currency selling rate is regularly traded.

22. Corporate income taxes

Current corporate income tax

Current income tax is calculated based on taxable income and tax rate for the year. Taxable income is different from accounting profit presented on the Income Statement due to adjustments to non-taxable income or non-deductible expenses and losses carried forward.

The company is responsible to pay corporate income tax at the rate of 20% on taxable income.

The tax reports of the Company will be inspected by the Tax department. Since the different about application of the laws and regulations on tax can be interpreted by many ways; therefore, the tax amounts presented on the financial statements can be changed in accordance with the Tax Department's final decision.

23. Related parties

The party is considered as related party if one party has capacity to control or has significant impact to other party in the decision of financial and operation activities. All parties are recognized as related parties if having the same control or significant impact.

In the review of related parties, nature of the relationship is considered more than legal form.

24. Segment reporting

Business field department: A distinguishable part of an enterprise that is participated in the production process or provision of an individual product or service, a group of related products or services in which this department is subject to risks and benefit of economic different from other business departments.

Geographical area department: A distinguishable part of an enterprise that is participated in the production process or provision of products or services within a particular economic environment in which this department may be subject to risks and benefit of economic different from business departments in other economic environments.

25. Financial instruments

Basis of Circular No. 75/2015/TT-BTC dated May 18th 2015 of the Ministry of Finance, before accounting standards for financial instruments and the guiding documents were issued, the Board of Management of the Company decided not presented and notes about financial instruments in accordance with Circular No. 210/2009/TT-BTC of consolidated financial statements of the company.

26. Method of preparing consolidated financial statements

Consolidated balance sheet

The consolidated balance sheet is prepared on the basis of consolidating the balance sheet of the Parent Company and its subsidiaries by each item by adding equivalent items of assets, liabilities, and equity on the principle of:

- For items that are not adjusted, they are added directly to determine the equivalent item of the consolidated balance sheet.

- For items that need to be adjusted, adjust and then combine to consolidate these items and present them on the consolidated balance sheet. The adjusted targets related to the consolidated balance sheet of the Company include:

+ Investments of the parent company into subsidiaries;
+ The interests of uncontrolled shareholders;
+ Receivables and payables between the Parent Company and Subsidiaries;
+ Unrealized profits and losses arising from internal transactions.

Consolidated income statement

The consolidated income statement is prepared on the basis of consolidating the income statement of the Parent Company and its Subsidiaries by item by adding equivalent items according to the following principles:

- For items that are not adjusted, they are added directly to determine equivalent items of the income statement.
- For items that must be adjusted, adjust and then combine to consolidate and present the consolidated income statement. The adjusted targets related to consolidation income statement includes:

+ Sales revenue, cost of goods sold between the parent company and subsidiaries;
+ Revenues from financial activities and financial operation expenses between the parent company and its
+ Benefits of shareholders do not control the profit after corporate income tax;
+ Unrealized gains and losses arising from internal transactions between the Parent Company and the Subsidiaries.

V . ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET

Unit: VND

1 . CASH AND CASH EQUIVALENTS

	Closing balance	Opening balance
- Cash on hand	388.887	7.073.169
- Cash in banks	4.151.622.101	3.241.884.578
+ Cash in banks (VND)	3.956.097.464	3.079.289.076
+ Cash in banks (USD)	195.524.637	162.595.502
+ Cash in banks (EUR)		
- Cash in transit		32.000.000
- Cash equivalents	2.542.441.966	2.470.698.037
Total	**6.694.452.954**	**5.751.655.784**

2 . TRADE RECEIVABLES

	Closing balance	Opening balance
2.1. Ngắn hạn	**172.605.630.196**	**168.496.452.384**
APC Holdings Joint Stock Company	42.138.512.882	59.378.512.882
Dung Ky Trading Company Limited	19.924.000.000	19.924.000.000
Khanh Tay Do Co., Ltd (*)	17.000.000.000	17.000.000.000
Hateco Group Co., Ltd	24.100.000.000	24.100.000.000
Golden Paddy SG Joint Stock Company	30.966.407.000	30.966.407.000
Phuc An Nong Services Trading Co., Ltd	14.245.000.000	
Lien Hoa Dong Tien Co., Ltd	10.718.290.060	
Others	13.513.420.254	17.127.532.502
2.2. Trade receivables from related parties	**10.886.630.003**	**7.556.686.803**
Angimex Furious Co., Ltd	1.921.763.953	851.763.953
Ms Tran Thi Cam Cham	1.129.971.600	
Mr. Huynh Thanh Tung	1.129.971.600	
Golden Paddy Joint Stock Company	6.704.922.850	6.704.922.850
Total	**183.492.260.199**	**176.053.139.187**

Notes:

(*) The debt relates to the capital transfer agreement at Dong Thap Agricultural Development Services LLC - DASCO. On February 20th, 2023, the Company's Board of Directors issued Resolution No. 207/NQ-HĐQT approving the transfer of 100% of the capital contribution in Dong Thap Agricultural Development Services LLC - DASCO. On February 10th, 2023, the Company signed a contract to transfer 96% of the aforementioned capital contribution to Khanh Tay Do Co., Ltd. under Transfer Agreement No. 94/HĐCNPVG-CTY DASCO. As of December 31st, 2023, Dong Thap Agricultural Development Services LLC - DASCO was no longer a subsidiary of An Giang Import-Export Company. However, as of December 31st, 2025, Khanh Tay Do Co., Ltd has not yet fulfilled the payment of the capital transfer amount as agreed in the above-mentioned contract, with the remaining outstanding amount of 17.000.000.000 VND, corresponding to 34% of the purchase price.

On January 8th, 2024, An Giang Import-Export Company filed a criminal complaint against Khanh Tay Do Co., Ltd with the Investigation Police Agency of Dong Thap Provincial Public Security. If Khanh Tay Do Co., Ltd still fails to pay its debt, the Company will recover its capital contribution in Dong Thap Agricultural Development Services LLC - DASCO equivalent to the uncollectible debt.

3 . ADVANCES TO SUPPLIERS

	Closing balance	Opening balance
3.1. Short-term	**122.915.891.216**	**146.594.518.123**
Louis Rice Long An Co., Ltd	50.040.390.000	50.040.390.000
Ms Tu Thi Hong Thanh (1)	24.500.000.000	24.500.000.000
Mr. Le Quang Nhuan (2)	20.000.000.000	20.000.000.000
Giap Phat Production Company Limited (3)	15.506.706.000	15.506.706.000
APC Holdings Joint Stock Company		23.437.533.490
Others	12.868.795.216	13.109.888.633
3.2. Long-term	**213.040.016.890**	**213.040.016.890**
Ms Huynh Thi Thuy Vy (4)	179.040.016.890	179.040.016.890
Mr. Lu Minh Si (5)	34.000.000.000	34.000.000.000
3.3. Advances to related parties	**474.329.817**	**237.164.909**
An Truong An Joint Stock Company	474.329.817	237.164.909
Total	**336.430.237.923**	**359.871.699.922**

Notes:

(1) The advance payment under cooperation contract No. 01/2021/CBLT-CN dated December 20th, 2021, with Ms Tu Thi Hong Thanh for the purchase of rice (total advance of 62.000.000.000 VND, of which 37.500.000.000 VND has been repaid). Currently, the aforementioned debt is overdue and Ms. Tu Thi Hong Thanh has pledged the land use rights and warehouse as collateral under the auction sale contract No. 279 dated August 17th, 2021 (winning bid price 11.512.000.000 VND) but the Company has not yet secured this collateral. The company filed a lawsuit at the Long Xuyen City People's Court, and on January 23rd, 2024, the Long Xuyen City People's Court issued Decision No. 55/2024/QDXXST-DS to bring the case to trial. On March 12th, 2024, the Court held a first-instance trial, ordering Ms Tu Thi Hong Thanh to repay the aforementioned amount of 24.500.000.000 VND. However, as of the time of this report, the company has not yet received the money from Ms Tu Thi Hong Thanh.

(2) An advance payment of 20.000.000.000 VND was made on March 24th, 2022, to Mr. Le Quang Nhuan, citizen identification number 089085000196 issued on March 27, 2018, by the Department of Registration and Management of Residence and National Population Data, residing at 678 Kinh Duong Vuong, An Lac Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, through beneficiary account number 1018103503 at Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank (SHB) - Phu Nhuan Branch. This advance payment was for the transfer of land use rights for an area of 11.300 m2 in Hoa An Commune, Cho Moi District, An Giang Province. However, to date, Mr. Le Quang Nhuan has neither signed the land use rights transfer contract with the Company nor returned the advance payment to the Company. On March 15th, 2024, the company filed a complaint with the Criminal Investigation Agency – Binh Tan District Police, Ho Chi Minh City, to handle the case. However, to date, the case has not been resolved.

(3) In 2023, the Company advanced 24.023.450.000 VND to Giap Phat Production Company Limited for the purchase of machinery and equipment for the Sa Dec factory in Dong Thap province. Giap Phat Production Company Limited completed some of the work but did not issue invoices to the Company. In 2024, the Company independently inspected these items at the actual value received, recording an increase in fixed assets of 8.516.744.000 VND. The remaining amount is now difficult to recover.

(4) Advance payment for the Deposit Agreement for the Transfer of Land Use Rights and Other Construction Works with Ms Huynh Thi Thuy Vy for six plots of land under Contract No. 01/2021/HDDC dated December 26th, 2021 and Contract Appendix No. 01/2022/HDDC/PL01 dated July 21st, 2022.

The Hoang Long factory in Dong Thap, under the management of Angimex Food Processing One Member Co., Ltd, located in An Ninh hamlet, Dinh An commune, Lap Vo district, Dong Thap province, is connected to the six plots of land and assets attached to them mentioned above and is currently being used by Angimex Food Processing Co., Ltd. for its production and business activities. An Giang Import-Export Company is in the process of completing the legal procedures to transfer ownership of the company according to Official Letter No. 531/STNMT-QLĐĐ dated February 14th, 2023, from the Department of Natural Resources and Environment of Dong Thap province.

(5) The advance payment of 14 billion VND is required for the land use rights transfer deposit contract for an area of 17,831 m2 at Plot No. 55, Map Sheet No. 19, Luong An Tra Commune, Tri Ton District, An Giang Province, with Mr. Lu Minh Si, as per the Agreement dated December 25th, 2021. This property is currently mortgaged at BIDV for a loan of the Company.

The advance payment of 20 billion VND was made for the transfer of land use rights under Contract No. 02/HĐ – CBLT dated March 29th, 2022. To date, the transfer of ownership has not been completed.

4 . FINANCIAL INVESTMENTS

Equity investments in other entities

	Closing balance			Opening balance		
	Historical cost	Provision	Fair value	Historical cost	Provision	Fair value
a. Investments in associates	***164.786.398.000***	***(55.955.524.235)***	***108.830.873.765***	***104.576.148.000***	***(23.558.655.030)***	***81.017.492.970***
Angimex - Kitoku Co., Ltd	2.951.148.000	34.805.347.641	37.756.495.641	2.951.148.000	33.810.602.792	36.761.750.792
Golden Paddy Joint Stock Company	32.500.000.000	(32.500.000.000)		32.500.000.000	(32.500.000.000)	
Louis Angimex Trading Co., Ltd	9.800.000.000	(9.800.000.000)		9.800.000.000	(9.800.000.000)	
Angimex Furious Co., Ltd	59.325.000.000	(16.807.964.079)	42.517.035.921	59.325.000.000	(15.069.257.822)	44.255.742.178
Angimex Food Joint Stock Company (*)	60.210.250.000	(31.652.907.797)	28.557.342.203			
b. Other long-term investments	***19.950.000***	***(19.950.000)***		***6.455.750.000***	***(19.950.000)***	***6.435.800.000***
Dong Thap Agricultural Development Services LLC - DASCO				304.000.000		304.000.000
Saigon An Giang Trading LLC				6.131.800.000		6.131.800.000
Tan My Hung Agricultural Cooperative	19.950.000	(19.950.000)		19.950.000	(19.950.000)	
Total	**164.806.348.000**	**(55.975.474.235)**	**108.830.873.765**	**111.031.898.000**	**(23.578.605.030)**	**87.453.292.970**

(*) In 2025, the Company restructured Angimex Food Co., Ltd, divesting its investment from 100% to 45% and transforming it into Angimex Food Joint Stock Company.

5 . LOAN RECEIVABLES

	Closing balance	Opening balance
Short-term		
Le Phuc Khang Manufacturing Trading LLC (*)	1.700.000.000	1.700.000.000
Angimex High-Tech Agriculture Services One Member LLC		1.580.000.000
Total	**1.700.000.000**	**3.280.000.000**

Note:
According to loan agreement No. 01/HDTD/2022 dated January 11th, 2022, the loan term is 4 months, with an interest rate of 8% per year.

6 . OTHER RECEIVABLES

	Closing balance		Opening balance	
	Amount	Provision	Amount	Provision
Short-term				
- Advances (*)	30.073.185.467		35.754.714.293	
- Short-term deposit	23.592.944			
- Other short-term receivables (**)	41.422.923.411	(35.745.558.307)	38.142.662.212	(34.444.858.418)
- Other payables	95.072.637		98.334.810	
Total	**71.614.774.459**	**(35.745.558.307)**	**73.995.711.315**	**(34.444.858.418)**

Notes:

	Closing balance	*Opening balance*
(*) Advances as at December 31st, 2025 includes :		
Mr. Nguyen Hoang Tien	*44.709.734*	-
Ms Luong Dang Xuan	*29.470.800.744*	*29.470.800.744*
Ms Huynh Thi Thuy Vy	*470.000.000*	*470.000.000*
Mr. Vu Ngoc Long		*4.540.000.000*
Others	*87.674.989*	*1.273.913.549*
Total	***30.073.185.467***	***35.754.714.293***
(**) Other short-term receivables as at December 31st, 2025 includes :		
VAT on Contributed Assets	*5.363.636.364*	*5.363.636.364*
MIC Thong Nhat Insurance Company		*1.879.394.000*
VietinBank Leasing Company Limited - Ho Chi Minh City Branch	*1.117.989.223*	*1.117.989.223*
An Giang Department of Taxation	*31.849.737*	*31.849.737*
Sa Dec City Civil Enforcement Agency	*63.213.000*	*63.213.000*
Mr. Dang Van Tam	*11.091.100.000*	*11.091.100.000*
Mr. Le Do Tuan Anh	*6.727.101.800*	*6.727.101.800*
Mr. Tran Tan Luc	*11.000.000.000*	*11.000.000.000*
Mr. Vu Ngoc Long	*4.540.000.000*	
Others	*1.488.033.287*	*868.378.088*
Total	***41.422.923.411***	***38.142.662.212***

7 . DOUBTFUL DEBTS

	Closing balance		Opening balance	
	Historical cost	Recoverable value	Historical cost	Recoverable value
- Total value of receivables, overdue debts or no overdue doubtful debts	250.203.652.555	5.688.399.516	249.015.045.155	5.689.923.449
Details:				
+ Trade receivables	100.546.182.948	5.567.870.366	100.635.984.687	5.569.394.299
+ Other receivables	35.816.558.307	71.000.000	34.515.858.418	71.000.000
+ Advances to suppliers	113.840.911.300	49.529.150	113.863.202.050	49.529.150
- Information regarding penalties, receivables for late payment interest... generated from overdue obligations/debts but not recorded as revenue				
- Recoverability of overdue receivables				
Total	**250.203.652.555**	**5.688.399.516**	**249.015.045.155**	**5.689.923.449**

8 . INVENTORIES

	Closing balance		Opening balance	
	Historical cost	Provision	Historical cost	Provision
- Goods in transit				
- Raw materials	395.849.957	(361.369.226)	1.780.870.366	(416.095.320)
- Tools and supplies	6.516.603.834	(6.379.363.617)	7.854.199.617	(7.453.770.043)
- Working in process				
- Finished goods	4.796.146	(4.796.146)	6.845.549.600	(947.990.013)
- Goods	6.576.434		2.592.490.408	
- Consignments				
Total	**6.923.826.371**	**(6.745.528.989)**	**19.073.109.991**	**(8.817.855.376)**

Notes:

- *Value of unused or degraded inventories which are unsold at the end of fiscal year: 6.745.528.989 VND*
- *Value of inventories put up as collateral to ensure liabilities at the end of fiscal year: none*

9 . LONG-TERM ASSETS IN PROGRESS

	Closing balance	Opening balance
Purchase fixed assets		
Construction in progress	**12.319.007.407**	**12.638.604.407**
Construction in progress (Conveyor bin system at Long Xuyen Factory, Da Phuoc Factory)	1.117.000.000	1.117.000.000
Luong An Tra Project	7.407.407.407	7.407.407.407
Technical infrastructure	48.560.000	368.157.000
Rice milling and polishing line with a capacity of 12-15 tons/hour.	3.746.040.000	3.746.040.000
Major repair for fixed assets		
Total	**12.319.007.407**	**12.638.604.407**

10 . INCREASE OR DECREASE IN TANGIBLE FIXED ASSETS

Items	Buildings, structures	Machinery, equipment	Means of transportation	Office equipment	Other assets	Total
Historical cost						
Opening balance	**137.362.501.661**	**218.979.875.977**	**6.778.658.594**	**16.873.009.987**		**379.994.046.219**
Increase	**170.000.000**					**170.000.000**
- Purchasing	170.000.000					170.000.000
- Finished capital investment						
- Other increases						
Decrease	**25.898.696.028**	**7.653.150.253**	**1.131.095.546**	**461.745.107**		**35.144.686.934**
- Conversion into investment properties						
- Disposals	5.312.835.000	7.210.400.253	1.131.095.546	461.745.107		14.116.075.906
- Other decreases	20.585.861.028	442.750.000				21.028.611.028
Closing balance	**111.633.805.633**	**211.326.725.724**	**5.647.563.048**	**16.411.264.880**		**345.019.359.285**
Accumulated depreciation						
Opening balance	**73.980.393.704**	**114.842.989.428**	**5.473.962.005**	**7.189.129.097**		**201.486.474.234**
Increase	**2.898.885.381**	**9.596.600.481**	**50.920.865**	**1.172.618.028**		**13.719.024.755**
- Depreciation	2.898.885.381	9.596.600.481	50.920.865	1.172.618.028		13.719.024.755
- Other increases						
Decrease	**16.892.529.412**	**7.408.914.699**	**1.126.675.064**	**461.745.107**		**25.889.864.282**
- Conversion into investment properties						
- Disposals	599.647.677	7.210.400.253	1.126.675.064	461.745.107		9.398.468.101
- Other decreases	16.292.881.735	198.514.446				16.491.396.181
Closing balance	**59.986.749.673**	**117.030.675.210**	**4.398.207.806**	**7.900.002.018**		**189.315.634.707**
Net book value						
Opening balance	**63.382.107.957**	**104.136.886.549**	**1.304.696.589**	**9.683.880.890**		**178.507.571.985**
Closing balance	**51.647.055.960**	**94.296.050.514**	**1.249.355.242**	**8.511.262.862**		**155.703.724.578**

Notes:

- Net book value of tangible fixed assets that have been mortgaged or pledged to secure for loans: - *VND*

- The historical cost of tangible fixed assets which have been fully depreciated but are still in use at the end of fiscal year: *93.068.349.070* *VND*

- The historical cost of tangible fixed assets awaiting for disposals at the end of fiscal year: - *VND*

11 . INCREASE AND DECREASE IN INTANGIBLE FIXED ASSETS

Items	Land use rights	Trademark	Computer software	License and franchise license	Other intangible fixed assets	Total
Historical cost						
Opening balance	**204.298.767.987**		**1.444.012.000**			**205.742.779.987**
Increase						
- Purchasing						
- Acquisitions from internal enterprise						
- Increase due to business combination						
- Other increases						
Decrease	**39.276.000.000**		**173.800.000**			**39.449.800.000**
- Disposals	39.276.000.000					39.276.000.000
- Other decreases			173.800.000			173.800.000
Closing balance	**165.022.767.987**		**1.270.212.000**			**166.292.979.987**
Accumulated ammortisation						
Opening balance	**16.543.408.609**		**936.366.627**			**17.479.775.236**
Increase	**3.662.332.408**		**105.412.646**			**3.767.745.054**
- Depreciation	3.662.332.408		105.412.646			3.767.745.054
- Other increases						
Decrease	**3.466.272.215**		**89.936.844**			**3.556.209.059**
- Disposals	3.466.272.215					3.466.272.215
- Other decreases			89.936.844			89.936.844
Closing balance	**16.739.468.802**		**951.842.429**			**17.691.311.231**
Net book value						
Opening balance	**187.755.359.378**		**507.645.373**			**188.263.004.751**
Closing balance	**148.283.299.185**		**318.369.571**			**148.601.668.756**

Notes:

- Net book value of intangible fixed assets that have been mortgaged or pledged to secure for loans: *12.147.526.058* *VND*

- The historical cost of intangible fixed assets which have been fully depreciated but are still in use at the end of fiscal year: *261.375.000* *VND*

12 . INCREASE AND DECREASE IN FINANCE LEASE FIXED ASSETS

Item	Buildings, structures	Machinery, equipment	Means of transportation	Office equipment	Other financial leasing fixed assets	Total
Historical cost						
Opening balance		**91.045.137.627**				**91.045.137.627**
Increase						
- Finance lease in the year						
- Other increases						
Decrease						
- Return of finance lease fixed assets						
- Repurchase of finance lease liabilities						
- Other decreases						
Closing balance		**91.045.137.627**				**91.045.137.627**
Accumulated depreciation						
Opening balance		**14.155.752.315**				**14.155.752.315**
Increase		**5.878.780.524**				**5.878.780.524**
- Depreciation		5.878.780.524				5.878.780.524
- Other increases						
Decrease						
- Return of finance lease fixed assets						
- Repurchase of finance lease liabilities						
- Other decreases						
Closing balance		**20.034.532.839**				**20.034.532.839**
Net book value						
Opening balance		**76.889.385.312**				**76.889.385.312**
Closing balance		**71.010.604.788**				**71.010.604.788**

Notes:

- Additional rent is recognized as expenses in the year : none
- Bases for determining additional rent : none
- Terms of lease extension or the right to purchase property : none

13 . BORROWINGS AND FINANCE LEASE LIABILITIES

13.1. Short-term

Object	Closing balance		Arising		Opening balance	
	Amount	Payable amount	Increase	Decrease	Amount	Payable amount
a. Short-term borrowings						
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Bac An Giang Branch (VND)	9.510.000.000	9.510.000.000		74.711.138.000	84.221.138.000	84.221.138.000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Bac An Giang Branch (USD)	271.450.032.828	271.450.032.828	8.500.501.464	477.829.251	263.427.360.615	263.427.360.615
Personal loans - Company's Employee	588.361.825	588.361.825	1.477.928.095	5.338.637.624	4.449.071.354	4.449.071.354
Phuc An Nong Trading and Service Co., Ltd				2.499.999.950	2.499.999.950	2.499.999.950
Angimex Food Joint Stock Company	14.270.000.000	14.270.000.000	14.270.000.000			
b. Current portion of long-term debt						
Vietinbank Leasing Co., Ltd - Vietnam Joint Stock Commercial bank for Industry and Trade – Hochiminh city Branch	29.371.439.620	29.371.439.620	4.008.332.830		25.363.106.790	25.363.106.790
Vietinbank Leasing Co., Ltd - Vietnam Joint Stock Commercial bank for Industry and Trade – Hochiminh city Branch	1.823.634.611	1.823.634.611			1.823.634.611	1.823.634.611
AGMH2123001 Bonds – Principal debt	350.000.000.000	350.000.000.000			350.000.000.000	350.000.000.000
AGMH2223001 Bonds – Principal debt	210.001.000.000	210.001.000.000			210.001.000.000	210.001.000.000
Total	**887.014.468.884**	**887.014.468.884**	**28.256.762.389**	**83.027.604.825**	**941.785.311.320**	**941.785.311.320**

Details of loans and liabilities at the fiscal year ended as follows:

Number / date of loan Contract	Lenders	Loan term	Interest rate	Closing balance	Form of a loan guarantee
Credit limit agreement No. 01/2022/548402/HĐTD dated October 1st, 2022	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Bac An Giang Branch	Based on each Debt Agreement	Based on each Debt Agreement	9.510.000.000 271.450.032.828	Fixed assets are owned by the Company
	Personal loans - Company's Employee	Based on the each contract (under 12 months)	Based on the each contract (from 2% to 12%)	588.361.825	Unsecured loans

Loan Agreement No. 1203/2025/HĐVV dated March 12th, 2025	Angimex Food Joint Stock Company	6 months	12% / year	14.270.000.000	Unsecured loans
Contract 74/2021/CN.MN-CTTC and Contract 75/2021/CN.MN-CTTC dated November 22nd, 2021	Vietinbank Leasing Co., Ltd - Vietnam Joint Stock Commercial bank for Industry and Trade – Hochiminh city	60 months	8% / year	29.371.439.620	Machinery, equipment are formed from a financial lease contract
Contract 59/2021/CN.MN-CTTC dated October 07th, 2021	Vietinbank Leasing Co., Ltd - Vietnam Joint Stock Commercial bank for Industry and Trade – Hochiminh city	36 months	8,5% / year	1.823.634.611	Machinery, equipment are formed from a financial lease contract
AGMH2123001 Bonds – Principal debt (*)				350.000.000.000	
AGMH2223001 Bonds – Principal debt (**)				210.001.000.000	
Total				**887.014.468.884**	

Notes:

(*) The bonds were issued based on Resolution No. 69/NQ-HĐQT dated November 8th, 2021, Resolution No. 101/NQ-HĐQT dated December 22nd, 2021, and Resolution No. 102/NQ-HĐQT dated December 24th, 2021, of the Board of Directors of An Giang Import-Export Company

Type of bond	: Non-convertible, unwarrant, secured bonds
Release format	: Journal entry
Bond code	: AGMH2123001
Price	: 1.000.000 VND / bond
Number of bonds	: 350.000 bonds
Issue value	: 350.000.000.000 VND
Release date	: 09/11/2021
Date the offering is completed	: 03/01/2022
Maturity date	: 09/11/2023
Purpose of issuing bonds	: Purchasing a rice mill in Dong Thap to expand rice production and processing operations
Interest rate	: 7% / year
Bond term	: 24 months
Interest calculation period	: Every 3 months
Issuance consulting unit	: Beta Securities Joint Stock Company
Form of guarantee	: The land use rights and related rights to these assets are owned by individuals and legal entities outside the Company
Value of collateral at the time of issuance	: 485.115.000.000 VND
Actual bond disbursement time	: 09/11/2021
The situation regarding the use of capital raised from bond issuance	
+ Investing in purchasing a rice mill in	: 200.085.251.397 VND
+ Management fee For collateral securing the issuance of AGMH2123001 bonds	: 2.200.000.000 VND

+ Deposit to Ms Huynh Thi Thuy Vy according to Contract No. 01/2021/HĐĐC dated December 26th, 2021 and Contract Appendix No. 01/2022/HĐĐC/PL01 dated July 21st, 2022	:	147.720.000.000 VND
Bond principal repayment	:	0 VND

(**) The bonds were issued based on Resolution No. 132/NQ-HĐQT dated February 3rd, 2022, of the Board of Directors of An Giang Import-Export Company

Type of bond	:	Non-convertible, unwarrant, secured bonds
Release format	:	Journal entry
Bond code	:	AGMH2223001
Price	:	1.000.000 VND / bond
Number of bonds	:	300.000 bonds
Issue value	:	300.000.000.000 VND
Release date	:	14/03/2022
Date the offering is completed	:	06/04/2022
Maturity date	:	14/09/2023 - Extended to 14/09/2024
Purpose of issuing bonds	:	Contributing capital to Angimex Food Processing One Member Co., Ltd aims to supplement working capital and enhance rice production and processing capacity
Interest rate	:	12% / year
Bond term	:	18 months
Interest calculation period	:	Every 3 months
Issuance consulting unit	:	Branch of Bao Viet Securities Joint Stock Company
Form of guarantee	:	Land use rights and assets attached to the land are owned by individuals and legal entities other than the Company
Value of collateral at the time of issuance	:	337.151.684.219 VND
Actual bond disbursement time	:	14/03/2022
The situation regarding the use of capital raised from bond issuance		
Contributing capital to Angimex Food Processing One Member Co., Ltd	:	300.000.000.000 VND
Bond principal repayment	:	(89.999.000.000) VND

13.2. Long-term

Bank	Closing balance		Arising		Opening balance	
	Amount	Repayable amount	Increase	Decrease	Amount	Repayable amount
Vietinbank Leasing Co., Ltd - Vietnam Joint Stock Commercial bank for Industry and Trade – Hochiminh city Branch	8.066.818.135	8.066.818.135		4.008.332.830	12.075.150.965	12.075.150.965
Total	**8.066.818.135**	**8.066.818.135**		**4.008.332.830**	**12.075.150.965**	**12.075.150.965**

Details of loans and liabilities at the fiscal year ended as follows:

Number / date of loan Contract	Lenders	Loan term	Interest rate	Closing balance	Form of a loan guarantee
Contract 74/2021/CN.MN-CTTC and Contract 75/2021/CN.MN-CTTC dated November 22nd, 2021	Vietinbank Leasing Co., Ltd - Vietnam Joint Stock Commercial bank for Industry and Trade – Hochiminh city	60 months	8% / year	8.066.818.135	Machinery, equipment are formed from a financial lease contract
Total				**8.066.818.135**	

13.3. Finance lease liabilities

Term	Current year			Previous year		
	Total payment of finance lease liabilities	Payment of interest	Payment of principal	Total payment of finance lease liabilities	Payment of interest	Payment of principal
Under 1 year						
Over 1 year to under 5 years				11.602.379.088	4.584.537.983	7.017.841.105
Over 5 years						

13.4. Overdue borrowings and finance lease liabilities: 31.195.074.231 VND

13.5. Borrowings and finance lease liabilities for ralated parties:

Angimex Food Joint Stock Company 271.450.032.828 VND

14 . PREPAID EXPENSE

	Closing balance	Opening balance
14.1. Short-term		
- Repair costs		38.407.417
- Tools	7.828.012	
- Others	10.215.097	100.089.022
Total	**18.043.109**	**138.496.439**
14.2. Long-term		
- Tools	54.976.827	87.353.937
- Site clearance, repair costs	2.678.822.108	2.767.635.824
- Others	155.110.960	1.194.384.677
Total	**2.888.909.895**	**4.049.374.438**

15 . TRADE PAYABLES

	Closing balance		Opening balance	
	Amount	Payable amount	Amount	Payable amount
15.1. Short-term				
Anh Minh Engineering JSC	4.130.740.800	4.130.740.800	4.130.740.800	4.130.740.800
Dong Thap Agricultural Development Services LLC	2.143.825.369	2.143.825.369	1.869.630.489	1.869.630.489
Le Phuc Khang Manufacturing and Trading Co., Ltd	5.056.102.000	5.056.102.000	5.056.102.000	5.056.102.000
Minh Thu Trading One Member Co., Ltd			10.400.659.410	10.400.659.410
Lien Hoa Dong Tien Company Limited			5.110.000.000	5.110.000.000
Others	5.193.618.240	5.193.618.240	3.045.103.363	3.045.103.363
15.2. Trade payables to ralated parties				
Angimex Food Joint Stock Company	30.444.678.717	30.444.678.717		
Angimex Furious Co., Ltd			2.673.000.000	2.673.000.000
Total	**46.968.965.126**	**46.968.965.126**	**32.285.236.062**	**32.285.236.062**

16 . ADVANCES FROM CUSTOMERS

	Closing balance		Opening balance	
	Amount	Payable amount	Amount	Payable amount
16.1. Short-term				
Louis Rice Long An One Member Company Limited	40.080.000.000	40.080.000.000	40.080.000.000	40.080.000.000
Toccoo Vietnam Company Limited	6.134.000.000	6.134.000.000	6.134.000.000	6.134.000.000
Dong Thap Agricultural Development Services LLC	3.489.395.139	3.489.395.139	3.489.395.139	3.489.395.139
Carolina Marketing	1.177.415.750	1.177.415.750	1.177.415.750	1.177.415.750
Others	1.773.621.037	1.773.621.037	2.075.920.645	2.075.920.645
16.2. Advances from ralated parties				
GKM Holdings Joint Stock Company			17.462.000.000	17.462.000.000
Total	**52.654.431.926**	**52.654.431.926**	**70.418.731.534**	**70.418.731.534**

17 . TAXES AND OTHER RECEIVABLE AND PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Opening balance	Payable	Paid	Closing balance
Taxes and other payables to the State budget				
VAT		404.350.601	404.076.681	273.920
Corporate income tax		23.464.454		23.464.454
Personal income tax	160.871.172	119.525.574	96.571.416	183.825.330
Land rent + Land use tax	1.297.797.193	878.781.565	1.392.228.384	784.350.374
Business license tax		18.000.000	18.000.000	
Total	**1.458.668.365**	**1.444.122.194**	**1.910.876.481**	**991.914.078**

Note: The Company's tax settlements are subject to examination by the Tax Authority. Because the application of tax laws and regulation to many types of transactions is susceptible to varying interpetations, amounts reported in the financial statements could be changed at a later date upon final determination by the Tax Authority.

18 . ACCRUED EXPENSES

	Closing balance	Opening balance
Short-term		
- Accrued interest expense	242.132.435.655	157.273.940.029
- Other expenses	2.827.282.658	30.993.704.202
Total	**244.959.718.313**	**188.267.644.231**

19 . OTHER PAYABLES

	Closing balance	Opening balance
19.1. Short-term		
- Surplus assets pending resolution		
- Trade union fund	1.845.621.179	1.968.079.962
- Insurance (social, health, unemployment)	119.274.836	3.840.000
- Other payables (*)	24.491.881.255	24.751.404.969
Total	**26.456.777.270**	**26.723.324.931**
19.2. Long-term		
- Long-term deposits received		
- Other payables	928.733.802	720.200.000
Total	**928.733.802**	**720.200.000**

(*) Other payables as at December 31st, 2025 includes :

	Closing balance	*Opening balance*
APC Holdings Joint Stock Company	18.269.040.300	18.269.040.300
Payables arising from equitization	2.417.578.793	2.417.578.793
Ms Le Chu Thuy Quyen	2.600.000.000	2.600.000.000
Others	1.205.262.162	1.464.785.876
Total	***24.491.881.255***	***24.751.404.969***

20 . OWNERS' EQUITY

20.1. Change in owners' equity

	Owners' contributed capital	Capital surplus	Treasury shares	Development and investment funds	Undistributed profit after tax	Non-controlling interest	Total
Previous opening balance	**182.000.000.000**				**(160.173.420.802)**		**21.826.579.198**
- Increase in capital							
- Profit of the previous year							
- Other increase (Divestment of subsidiary)					3.217.346.276		3.217.346.276
- Profit distribution							
- Loss of the previous year					(259.794.620.031)		(259.794.620.031)
- Other decrease (Divestment of associated company)					(9.013.051.734)		(9.013.051.734)
Current opening balance	**182.000.000.000**				**(425.763.746.291)**		**(243.763.746.291)**
- Increase in capital							
- Profit of the current year							
- Other increase (Divestment of subsidiary)					8.238.311.530		8.238.311.530
- Profit distribution							
- Loss of the current year					(104.669.638.327)		(104.669.638.327)
- Other decrease							
Current closing balance	**182.000.000.000**				**(522.195.073.088)**		**(340.195.073.088)**

20.2. Details of the owners' capital contribution	Rate	Closing balance	Rate	Opening balance
Contributed capital of Parent Company				
Contributed capital of others	100%	182.000.000.000	100%	182.000.000.000
Total		**182.000.000.000**		**182.000.000.000**

- Value of bonds converted into stocks during the year: none
- Number of treasury shares: none

20.3. Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits

	Current year	Previous year
- Owners' invested capital		
+ Opening capital	182.000.000.000	182.000.000.000
+ Increase in capital during the fiscal year		
+ Decrease in capital during the fiscal year		
+ Closing capital	182.000.000.000	182.000.000.000
- Dividends or distributed profits		

20.4. Shares	Closing balance	Opening balance
- Number of shares registered for issuance	18.200.000	18.200.000
- Number of shares sold to the public	18.200.000	18.200.000
+ Ordinary shares	18.200.000	18.200.000
+ Preference shares		
- Number of shares repurchased (treasury shares)		
- Number of shares outstanding	18.200.000	18.200.000
+ Ordinary shares	18.200.000	18.200.000
+ Preference shares		

** Par value of shares outstanding: 10.000 VND/ share*

20.5. Dividends	Current year	Previous year
- Declared dividends after the fiscal year-end		
+ Declared dividends on common shares		
+ Declared dividends on preference shares		
- Dividends on accumulated preference shares not recorded		

20.6. Funds	Closing balance	Opening balance
- Development and investment funds		
- Fund for support of arrangement of enterprises		
- Other equity funds		

21 . OFF-BALANCE SHEET ITEMS

Foreign currencies

	Closing balance	Opening balance
- USD	7.203,61	6.439,17
- EUR		

VI . ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

Unit: VND

1 . REVENUES FROM SALES AND SERVICES RENDERED

	Current year	Previous year
Revenues		
- Revenues from selling goods and finished products	12.147.279.035	211.335.673.327
- Revenue from real estate products		
- Revenues from services rendered	9.355.714.299	29.585.657.150
Total	**21.502.993.334**	**240.921.330.477**

2 . REVENUE DEDUCTIONS

	Current year	Previous year
- Commercial discounts		
- Sales rebates		
- Sales returns		1.517.975
Total		**1.517.975**

3 . COST OF GOODS SOLD

	Current year	Previous year
- Cost of goods and finished goods sold	18.506.338.588	199.521.439.944
- Cost of services rendered	14.637.414.671	49.696.396.293
Total	**33.143.753.259**	**249.217.836.237**

4 . FINANCIAL INCOME

	Current year	Previous year
- Interest from term deposits and loan receivables	102.206.607	157.363.835
- Gains from other financial investment activities	16.731.304.030	8.782.022.837
- Dividends, received profits	1.095.539.600	
- Gains of realized exchange rate difference	6.618.386	257.794.344
- Others	439.526	
Total	**17.936.108.149**	**9.197.181.016**

5 . FINANCIAL EXPENSES

	Current year	Previous year
- Loan interest expense	86.712.567.058	93.173.237.828
- Losses from liquidating investments		1.008.218.654
- Losses of realized exchange rate difference	7.721.485.544	
- Losses of unrealized exchange rate difference	1.150.130.918	12.174.198.969
- Provision for devaluation of trading securities and investment losses	(7.010.040.619)	
- Others	3.748.051	931.544.620
Total	**88.577.890.952**	**107.287.200.071**

6 . OTHER INCOME

	Current year	Previous year
- Gain on disposal of fixed assets		342.676.862
- Reversal of over-deducted expenses	29.084.246.659	
- Others	1.075.291.941	1.219.715.340
Total	**30.159.538.600**	**1.562.392.202**

7 . OTHER EXPENSES

	Current year	Previous year
- Disposals of fixed assets, tool and instruments	25.355.373.233	
- Fines including administrative violations	273.070.989	
- Tax adjustment	14.463.642	
- Others	2.172.932.555	980.509.750
Total	**27.815.840.419**	**980.509.750**

8 . SELLING EXPENSES AND GENERAL ADMINISTRATION EXPENSES

	Current year	Previous year
8.1. Selling expenses		
- Material cost	138.440.152	
- Tools, supplies cost		975.759.935
- Labour costs	14.444.300	2.472.043.580
- Costs of external services	126.058.284	1.494.066.409
- Others	530.000	2.010.099.729
Total	**279.472.736**	**6.951.969.653**
8.2. General administration expenses		
- Material cost	78.138.537	
- Tools, supplies cost	717.019.483	1.795.183.528
- Labour costs	2.957.788.842	6.415.860.163
- Depreciation	2.007.764.033	7.435.067.133
- Tax, duties, fees	6.000.000	12.323.099
- Provision	1.349.409.139	71.046.567.548
- Costs of external services	2.030.955.450	38.587.884
- Goodwill allocation	9.496.061.920	9.496.061.920
- Others	1.428.001.815	32.127.263.011
Total	**20.071.139.219**	**128.366.914.286**

9 . PRODUCTION AND BUSINESS COSTS BY ELEMENT

	Current year	Previous year
- Material cost	216.578.689	44.318.281.919
- Tools, supplies cost	717.019.483	
- Labour costs	2.961.375.842	12.231.645.152
- Depreciation	23.365.550.333	21.462.614.204
- Costs of external services	2.047.508.146	11.449.507.746
- Other	2.156.235.894	2.219.994.524
Total	**31.464.268.387**	**91.682.043.545**

10 . CURRENT INCOME TAX EXPENSES

	Current year	Previous year
- CIT expenses in respect of the current year taxable profit		
- Adjustment of CIT expenses in the previous years to the current year	23.464.454	
Total	**23.464.454**	

11 . BASIC EARNINGS PER SHARE

	Current year	Previous year
Profit after corporate income tax	(104.669.638.327)	(259.794.620.031)
Profit or loss allocated to shareholders holding common shares	(104.669.638.327)	(259.794.620.031)
Bonus and welfare funds deducted from profit after CIT		
Weighted average common shares outstanding during the year	18.200.000	18.200.000
Basic earnings per share	**(5.751)**	**(14.274)**

VII . ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE CONSOLIDATED CASH FLOWS STATEMENT

1 . Non-monetary transactions affecting consolidated cash flows statement in the future

In year 2025, the Company did not incur any non-monetary transactions affecting the separate cash flows statement.

2 . Cash and cash equivalents held by the Company without usage

As of December 31st, 2025, the company held 3.898.515.683VND and 5.608,77USD in assets that were not in use (frozen to ensure enforcement of judgment).

3 . Proceeds from borrowings during the fiscal year

	Current year
Proceeds from ordinary contracts	15.747.928.095
Proceeds from other borrowings	

4 . Payments on principal during the fiscal year

	Current year
Payments from ordinary contracts	22.316.466.825
Payments from other borrowings	

VIII . OTHER INFORMATION

1 . Segment reporting

Segment reporting follows service units and business lines

Item	Goods, Finished goods	Service and other	Total
Net revenue	**12.147.279.035**	**9.355.714.299**	**21.502.993.334**
Net revenue from external sales	12.147.279.035	9.355.714.299	21.502.993.334
Direct costs	**18.506.338.588**	**14.637.414.671**	**33.143.753.259**
Cost of goods sold and services to external	18.506.338.588	14.637.414.671	33.143.753.259
Profit from business activities before tax	**(6.359.059.553)**	**(5.281.700.372)**	**(11.640.759.925)**
Financial income			17.936.108.149
Financial expenses			88.577.890.952
Share gain/(loss) of joint ventures and associates			(4.356.717.371)
Selling expenses			279.472.736
General administration expenses			20.071.139.219
Other income			30.159.538.600
Other expenses			27.815.840.419
Current corporate income tax expenses			23.464.454
Deferred corporate income tax expenses			
Profits after corporate income tax			**(104.669.638.327)**
Total cost of purchasing the assets			
Segment assets			
Allocated segment assets			824.735.495.301
Unallocated segment assets			108.830.873.765
Total assets			**933.566.369.066**
Segment liabilities			
Allocated segment liabilities			378.680.155.135
Unallocated segment liabilities			895.081.287.019
Total liabilities			**1.273.761.442.154**

2 . Information with related parities

2.1. Transactions with key management members

Key management members and related individuals include: Board of Directors, Audit Committee and Board of Management.

Transactions during the year between the Company and members of key management:

The expense of Board of Directors, Audit Committee and Board of Management

Salaries and remuneration	Current year
Mr. Nguyen Hoang Tien	350.008.185
Mr. Luong Duc Tam	216.115.000
Mr. Huynh Thanh Tung	99.796.000
Ms Tran Thi Cam Cham	140.588.500
Mr. Nguyen Nhat Tan	30.236.735
Mr. Tran Minh Trong	38.930.909
Total	**875.675.329**

Other transactions :

Related Parties	Transaction	Amount(VND)
Mr. Huynh Thanh Tung	Transfer of AF capital contribution	1.255.524.000
	Collection of proceeds from the transfer of AF capital contribution	125.552.400
Ms Tran Thi Cam Cham	Transfer of AF capital contribution	1.255.524.000
	Collection of proceeds from the transfer of AF capital contribution	125.552.400
Mr. Nguyen Hoang Tien	Advance	5.033.636.952
	Refund advance	4.988.927.218

At the end of the fiscal year, balances with key management members is :

Related Parties	Item	Closing balance
Mr. Huynh Thanh Tung	Trade receivables	1.129.971.600
Ms Tran Thi Cam Cham	Trade receivables	1.129.971.600
Mr. Nguyen Hoang Tien	Advance	44.709.734

2.2. Transactions with other individual related parties: none

2.3. Transactions with related parties are organizations

Related Parties	Relationship	Capital ownership
Angimex - Kitoku Co., Ltd	Associates	32,96%
Golden Paddy Joint Stock Company	Associates	29,55%
Louis Angimex Trading Co., Ltd	Associates	49,00%
Angimex Furious Co., Ltd	Associates	49,00%
Angimex Food Joint Stock Company	Associates	45,00%
An Truong An Joint Stock Company	Organization related to an insider	0,00%
GKM Holdings Joint Stock Company	Organization related to an insider	0,00%

Transactions during the year between the Company and related parties as follow :

Related parties	Transaction	Amount (VND)
Angimex Furious Co., Ltd	Selling goods and services	3.000.000.000
Angimex - Kitoku Co., Ltd	Selling goods and services	769.954.680
	Dividends received	1.095.539.600
Angimex Food Joint Stock Company	Selling goods and services	1.425.183.153
	Purchasing goods and services	1.182.450.000
	Interest expense	1.234.734.247
	Receive loan	14.270.000.000
An Truong An Joint Stock Company	Payment for construction contract	237.164.908
Saigon An Giang Trading LLC	Divestment	6.131.800.000
GKM Holdings Joint Stock Company	Repayment debts	17.462.000.000

At the end of the fiscal year, balances with related parties are:

Related Parties	Item	Closing balance
Angimex Furious Co., Ltd	Trade receivables	1.921.763.953
Golden Paddy Joint Stock Company	Trade receivables	6.704.922.850
An Truong An Joint Stock Company	Advances to suppliers	474.329.817
Angimex Food Joint Stock Company	Trade payables	30.444.678.717
	Short-term loans	14.270.000.000

3 . Going-concern assumption

a . Financing:

As at 31/12/2025, the financial position of the Company has the following points that has to be notice:

Current assets		149.016.277.190
Short-term liabilities, in which:		1.264.600.890.217
Overdue bank loans	280.960.032.828	
Overdue bonds	560.001.000.000	
Financial lease debt due for payment	31.195.074.231	
Contributed capital		182.000.000.000
Accumulated losses		(522.195.073.088)

- Therefore, the Short-term liabilities of the Company in excess of the Current assets of the Company is 1.115.584.613.027 VND shows that the Company's solvency is limited;
- With bank loans becoming overdue, the company was forced to sell the collateral to repay the overdue bank debts;
- The bonds are overdue, but the company has not yet come up with a concrete plan to handle them;
- The accumulated losses exceeded the equity capital by 340.195.073.088 VND.
- There was no significant decline in the value of the assets;
- There are significant outstanding debts and receivables.

b . Operating:

- Board of Management intend to cease operations or to dissolve : none.
- Lack of key management that can not be replaced : none.
- Losing a large market, key customers, business rights, franchise rights, or important suppliers: the main business activity must shift from commercial services to leasing premises;
- Lack of main input material : none.

c . Others:

- Do not comply regulations on capital contribution : none.
- Being sued, if lose, can not irreparable : none.
- Change in law and policies that have an adverse effect to company : none.
- Occurrence of risks, losses that are not insured or insured with a low value: none.

Based on the above data, the Company's Board of Management has decided that the Company's separate financial statements for 2025 will still be prepared on the basis that the Company will continue to operate for the next 12 months.

4 . Comparative figures

The comparative figures are those taken from the consolidated financial statement for the fiscal year as at December 31st, 2024 which were audited by AFC Vietnam Auditing Company Limited.

Prepared on March 04th, 2026

Prepared by	Chief Accountant	Chairman
LE HUYNH TUYET NHI	TRAN MINH TRONG	LUONG DUC TAM

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
AN GIANG IMPORT EXPORT COMPANY

Số/*No*: 121/XNK-TCKT
(V/v Giải trình lợi nhuận năm 2025 đã kiểm toán so với lợi nhuận năm 2024 đã kiểm toán – Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán và Giải trình ý kiến của Công ty kiểm toán/ Re: Explanation of the audited profit in 2025 compared to the audited profit in 2024 – Explanation of the variance between profit before and after audit and explanation of the auditor's opinion.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAMNAM
Independence - Freedom - Happiness

An Giang, ngày 12 tháng 03 năm 2026
An Giang, 12 March 2026

Kính gửi/*To*: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*State Securities Commission***
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang ("Angimex") xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 và giải trình ý kiến của Công ty kiểm toán như sau/*Angiang Import Export Company ("Angimex") would like to provide explanations regarding the variance in profit after corporate income tax for 2025 and the auditor's opinion as follows:*

I. Giải trình Lợi nhuận năm 2025 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2024 đã kiểm toán/*Explanation of the audited profit in 2025 compared to the audited profit in 2024*:

1. Đối với BCTC riêng lẻ/*For the separate financial statements*:

Trong năm 2025, Công ty tập chung chính vào mục tiêu cơ cấu nợ, chuyển đổi hoạt động chính từ thương mại dịch vụ sang cho thuê tài sản (Nhà máy, mặt bằng…) nên doanh thu giảm mạnh so với cùng kỳ, doanh thu thuần giảm 102.350 triệu đồng, tương ứng giảm 90% so với cùng kỳ. Mặc dù chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm nhiều so với cùng kỳ. Thế nhưng Công ty vẫn gánh các khoản định phí như chi phí lãi vay, khấu hao, …vẫn ở mức cao. Đây là nguyên nhân chính làm Kết quả kinh doanh trong năm 2025 của Công ty bị lỗ 130.072 triệu đồng/*In 2025, the Company mainly focused on debt restructuring and transforming its core business from trading and services to asset leasing (factories, premises, etc.). As a result, revenue decreased significantly compared to the same period last year, with net revenue decreasing by VND 102,350 million, equivalent to a 90% decline year-on-year. Although financial expenses, selling expenses, and administrative expenses decreased considerably compared to the same period, the Company still had to bear fixed costs such as interest expenses and depreciation, which remained at a high level. This was the main reason why the Company recorded a loss of VND 130,072 million in 2025.*

2. Đối với BCTC hợp nhất/*For the consolidated financial statements:*

Trong năm 2025, Công ty không còn hợp nhất doanh thu từ các công ty con đã thoái vốn cùng với chuyển đổi hoạt động chính từ thương mại dịch vụ sang cho thuê tài sản (Nhà máy, mặt bằng…) nên doanh thu giảm mạnh so với cùng kỳ, doanh thu thuần giảm 219.417 triệu đồng, tương ứng giảm 91% so với cùng kỳ. Tương tự như báo cáo riêng, trong năm 2025 chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và phần lỗ từ Công ty liên doanh liên kết giảm nhiều so với cùng kỳ. Thế nhưng Công ty vẫn gánh các khoản định phí như chi phí lãi vay, khấu hao, …vẫn ở mức cao. Đây là nguyên nhân chính làm Kết quả kinh doanh trong năm 2025 của Công ty bị lỗ 104.670 triệu đồng. /*In 2025, the Company no longer consolidated revenue from subsidiaries that had been divested. In addition, the Company shifted its core business from trading and services to asset leasing (factories, premises, etc.), resulting in a significant decline in revenue compared to the same period last year. Net revenue decreased by VND 219,417 million, equivalent to a 91% decrease year-on-year. Similar to the separate financial statements, in 2025 selling expenses, administrative expenses, and the share of losses from associates and joint ventures decreased significantly compared to the same period. However, the Company still*

had to bear fixed costs such as interest expenses and depreciation, which remained at a high level. This was the main reason why the Company recorded a loss of VND 104,670 million in 2025.

Đơn vị tính: Triệu đồng/

Unit: VND million

Chỉ tiêu/*Indicators*	BCTC riêng/Separate Financial Statements				BCTC HN/Consolidated Financial Statements			
	2025	2024	Chênh lệch/ Variance	%	2025	2024	Chênh lệch/ Variance	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ/*Net revenue from sales and services*	10.971	113.321	(102.350)	(90%)	21.503	240.920	(219.417)	(91%)
Giá vốn hàng bán/*Cost of goods sold*	13.889	119.294	(105.404)	(88%)	33.144	249.218	(216.074)	(87%)
Lợi nhuận gộp/*Gross profit*	(2.919)	(5.973)	3.054	(51%)	(11.641)	(8.298)	(3.343)	40%
Doanh thu hoạt động tài chính/*Financial income*	17.936	13.301	4.634	35%	17.936	9.197	8.739	95%
Chi phí tài chính/*Financial expenses*	134.867	177.417	(42.550)	(24%)	88.578	107.287	(18.709)	(17%)
Trong đó: chi phí lãi vay/Of which: interest expenses	*86.386*	*88.097*	*(1.710)*	*(2%)*	*86.713*	*93.173*	*(6.461)*	(7%)
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK/*Share of profit/loss from joint ventures and associates*	00	00	00	-	(4.357)	(18.670)	14.313	(77%)
Chi phí bán hàng/*Selling expenses*	275	3.551	(3.276)	(92%)	279	6.952	(6.672)	(96%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp/*General and administrative expenses*	9.055	66.948	(57.894)	(86%)	20.071	128.367	(108.296)	(84%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/*Profit from operating activities*	(129.179)	(240.587)	111.408	(46%)	(106.990)	(260.377)	153.387	(59%)
Lợi nhuận khác/*Other profit*	(869)	14.469	(15.338)	(106%)	2.344	582	1.762	303%
Tổng lợi nhuận trước thuế/*Total profit before tax*	(130.049)	(226.118)	96.070	(42%)	(104.646)	(259.795)	155.148	(60%)
Thuế TNDN/*Corporate income tax*	23	00	23		23	00	23	
Lợi nhuận sau thuế TNDN/*Profit after corporate income tax*	(130.072)	(226.118)	96.046	(42%)	(104.670)	(259.795)	155.125	(60%)

II. Giải trình chênh lệch KQKD năm 2025 trước và sau kiểm toán/*Explanation of the variance in operating results for 2025 before and after the audit*:

1. Đối với BCTC riêng lẻ/*For the separate financial statements:*

Lợi nhuận năm 2025 chênh lệch trước và sau kiểm toán lỗ tăng thêm 1.850 triệu đồng chủ yếu là do/*The profit for 2025 shows a variance between the figures before and after the audit, with the loss increasing by VND 1,850 million, mainly due to the following reason:*

- Chi phí khác đã kiểm toán có thay đổi so với báo cáo tự lập dẫn đến lợi nhuận khác có sự chênh lệch 1.826 triệu đồng tương đương 190% so với báo cáo trước kiểm toán nên Lợi nhuận của Công ty lỗ tăng thêm/*Other expenses in the audited financial statements were adjusted compared to the Company's self-prepared financial statements, resulting in a variance in other profit of VND 1,826 million, equivalent to 190% compared to the pre-audit report, thereby increasing the Company's loss.*

2. Đối với BCTC hợp nhất/*For the consolidated financial statements:*

Doanh thu, lợi nhuận năm 2025 chênh lệch trước và sau kiểm toán chủ yếu là do/*The variance in revenue and profit for 2025 before and after the audit was mainly due to the following reasons:*

- Trong năm 2025, Công ty không còn hợp nhất doanh thu từ công ty con đã thoái vốn/ *In 2025, the Company no longer consolidated revenue from subsidiaries that had been divested.*
- Báo cáo tài chính của công ty con và công ty liên doanh liên kết đã kiểm toán có thay đổi so với báo cáo tự lập dẫn đến chênh lệch lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước và sau kiểm toán/*The audited financial statements of subsidiaries and associates/joint ventures were adjusted compared to the self-prepared financial statements, resulting in a variance in profit from operating activities between the pre-audit and post-audit figures.*

Đơn vị tính: Triệu đồng/
Unit: VND million

Chỉ tiêu/ *Indicators*	BCTC riêng 2025/*Separate Financial Statements 2025*				BCTC HN 2025/*Consolidated Financial Statements 2025*			
	Trước kiểm toán/ Before audit	Đã kiểm toán/ Audited	Chênh lệch/ Variance	%	Trước kiểm toán/ Before audit	Đã kiểm toán/ Audited	Chênh lệch/ Variance	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ/*Net revenue from sales and services*	10.971	10.971	00	0%	37.264	21.503	(15.761)	(42%)
Giá vốn hàng bán/*Cost of goods sold*	13.889	13.889	00	0%	42.624	33.144	(9.480)	(22%)
Lợi nhuận gộp/*Gross profit*	(2.919)	(2.919)	00	0%	(5.360)	(11.641)	(6.280)	117%
Doanh thu hoạt động tài chính/*Financial income*	17.936	17.936	00	0%	17.060	17.936	876	5%
Chi phí tài chính/*Financial expenses*	134.867	134.867	00	0%	95.836	88.578	(7.258)	(8%)
Trong đó: chi phí lãi vay/Of which: interest expenses	*86.382*	*86.386*	4	*0%*	*86.956*	*86.713*	*(244)*	(0,3%)
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK/*Share of profit/loss from joint ventures and associates*	00	00	00		(3.080)	(4.357)	(1.277)	41%
Chi phí bán hàng/*Selling expenses*	275	275	00	0%	932	279	(652)	(70%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp/*General and administrative expenses*	9.064	9.055	(10)	0,1%	24.287	20.071	(4.216)	(17%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/*Profit from operating activities*	(129.189)	(129.179)	10	(4%)	(112.434)	(106.990)	5.444	(5%)
Lợi nhuận khác/*Other profit*	967	(869)	(1.836)	(190%)	(24.949)	2.344	27.292	(109%)
Tổng lợi nhuận trước thuế/*Total profit before tax*	(128.222)	(130.049)	(1.826)	1%	(137.383)	(104.646)	32.737	(24%)
Thuế TNDN/*Corporate income tax*	-	23	23	-	-	23	23	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN/*Profit after corporate income tax*	(128.222)	(130.072)	(1.850)	1%	(137.383)	(104.670)	32.714	(24%)

III. Giải trình ý kiến kiểm toán/*Explanation of the auditor's opinion:*

1. Báo cáo tài chính riêng/*Separate financial statements:*

1.1 Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ/*Basis for the qualified audit opinion:*

Ý kiến của Công ty kiểm toán/*Auditor's opinion:*

Đến ngày phát hành báo cáo này, công nợ chưa được xác nhận với số tiền như sau như sau/As of the issuance date of this report, the outstanding balances that have not yet been confirmed are as follows:

Khoản mục/Item	*VNĐ*
Phải thu khách hàng:	*138.286.788.242*
Accounts receivable from customers	
Trả trước cho người bán:	*43.486.713.532*
Advance payments to suppliers	
Phải thu khác:	*6.967.211.765*
Other receivables	
Phải trả người bán:	*9.032.119.795*
Accounts payable to suppliers	
Người mua trả tiền trước:	*3.820.505.451*
Advances from customers	
Phải trả khác:	*21.895.930.255*
Other payables	
Nhận ký quỹ ký cược:	*418.733.802*
Deposits received	

Giải trình của Angimex: Các khách hàng này đã tạm ngừng kinh doanh, đổi địa chỉ kinh doanh hoặc địa chỉ không rõ ràng,…dẫn đến không liên lạc được. Mặc dù Angimex đã cố gắng gửi hồ sơ đối chiếu công nợ cho khách hàng. Tuy nhiên vẫn không nhận được thư xác nhận số dư công nợ/***Angimex's explanation***:These customers have suspended their business operations, changed their business addresses, or their addresses are unclear, resulting in Angimex being unable to contact them. Although Angimex has attempted to send debt reconciliation documents to these customers, the Company has not received any confirmation letters for the outstanding balances.

1.2 Vấn đề cần nhấn mạnh/*Matter of Emphasis:*

Ý kiến của Công ty kiểm toán/*Auditor's opinion:*

"Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.3 "Thông tin về hoạt động liên tục" trong báo cáo tài chính về số lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2025 là 621.303.650.076 VND đã vượt vốn góp của chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu; Nợ phải trả lớn hơn Tổng tài sản 493.303.650.076 VND, như vậy Công ty có khả năng lâm vào tình trạng phá sản; Nợ phải trả ngắn hạn lớn Tài sản ngắn hạn là 1.108.955.643.653 VND, như vậy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty không đảm bảo. Những điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh VIII.3, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới với sự hỗ trợ tài chính từ chủ nợ, do đó Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày dựa trên giả định hoạt động liên tục"/"We draw the reader's attention to Note VIII.3 'Information on Going Concern' in the financial statements. As at 31 December 2025, the Company's accumulated losses amounted to VND 621,303,650,076, which have exceeded the contributed capital of the owners and the Company's equity. Total liabilities exceeded total assets by VND 493,303,650,076, indicating that the Company may be exposed to the

risk of bankruptcy. In addition, current liabilities exceeded current assets by VND 1,108,955,643,653, indicating that the Company's ability to meet its short-term obligations is not assured. These conditions, together with other matters described in Note VIII.3, indicate the existence of a material uncertainty that may cast significant doubt on the Company's ability to continue as a going concern. However, the Company's Management believes that the Company's business performance will improve in the coming period with financial support from creditors. Therefore, the Company's financial statements have been prepared on a going concern basis as determined by the Board of Management."

Giải trình của Angimex: Nhóm Công ty đã thực hiện thanh lý một số tài sản cũng như thoái vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết trong năm 2026. Đồng thời Nhóm Công ty đang lên kế hoạch huy động vốn từ các tổ chức tín dụng hoặc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động và lên phương án xử lý nợ gói trái phiếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025. Dựa trên cơ sở này, Nhóm Công ty dự kiến có thể hoàn trả các khoản nợ và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo nên Công ty tiến hành lập báo cáo trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục./***Angimex's explanation:****The Group has carried out the liquidation of certain assets and divested its investments in several subsidiaries and associates during 2026. At the same time, the Group is planning to raise capital from credit institutions or through a private placement of shares to supplement working capital, as well as develop a plan to handle the bond obligations as at the time of preparing the 2025 financial statements. Based on this basis, the Group expects that it will be able to repay its liabilities and continue its operations in the next accounting period; therefore, the financial statements have been prepared on a going concern basis.*

"Tại Thuyết minh V.13, Công ty hiện đang có các khoản Nợ vay ngân hàng đã quá hạn thanh toán trên 1 năm được trình bày trên Báo cáo tài chính với số tiền là 271.450.032.818 VND. Hiện Công ty chưa tìm được nguồn tài chính để thanh toán đúng hạn các khoản nợ này"/ "As disclosed in Note V.13, the Company currently has bank borrowings that have been overdue for more than one year, which are presented in the financial statements with a total amount of VND 271,450,032,818. The Company has not yet identified a financial source to settle these debts on schedule."

Giải trình của Angimex: Nhóm Công ty đang trong quá trình phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp theo đúng nội dung các hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng và theo qui định pháp luật/***Angimex's explanation:*** *The Group is currently coordinating with the Bank to handle the pledged assets in accordance with the terms of the mortgage agreements signed with the Bank and in compliance with applicable laws and regulations.*

"Tại Thuyết minh V.13, Công ty hiện đang có các khoản Nợ dài hạn đến hạn trả đã quá hạn thanh toán trên 1 năm : Nợ thuê tài chính và Nợ trái phiếu với giá trị lần lượt là 25.363.106.790 VND và 560.001.000.000 VND. Hiện Công ty chưa tìm được nguồn tài chính để thanh toán đúng hạn các khoản nợ này"/"As disclosed in Note V.13, the Company currently has long-term liabilities due within one year that have been overdue for more than one year, including finance lease liabilities and bond payables, with amounts of VND 25,363,106,790 and VND 560,001,000,000, respectively. The Company has not yet identified a financial source to settle these obligations when due."

Giải trình của Angimex: Nhóm Công ty đang trong quá trình thanh lý tài sản đảm bảo cho hai gói Trái phiếu AGMH2123001 và AGMH2223001 và đang lên kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ để xử lý nợ gói trái phiếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025. Đối với nợ thuê tài chính Nhóm Công ty Thực hiện phối hợp với Vietinbank Leasing trong việc bàn giao và tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng các tài sản thuê tài chính để thanh toán nghĩa vụ nợ cho Vietinbank Leasing theo các hợp đồng thuê tài chính đã ký kết theo quy định của pháp luật/*Angimex's explanation: The Group is currently in the process of liquidating the collateral assets for the two bond packages AGMH2123001 and AGMH2223001, and is planning a private placement of shares to address the bond*

obligations as at the time of preparing the 2025 financial statements. For the finance lease liabilities, the Group is coordinating with Vietinbank Leasing to hand over and seek potential transferees for the finance lease assets in order to settle the outstanding obligations to Vietinbank Leasing in accordance with the signed finance lease agreements and applicable laws and regulations.

"Tại Thuyết minh V.18, Công ty hiện đang có các khoản nợ Lãi vay đã quá hạn 1 năm : Lãi vay ngân hàng, Lãi thuê tài chính và Lãi trái phiếu với giá trị lần lượt là 23.284.331.414 VND, 4.238.831.427 VND và 214.609.272.814 VND. Hiện Công ty chưa tìm được nguồn tài chính để thanh toán đúng hạn các khoản nợ này"/"As disclosed in Note V.18, the Company currently has overdue interest liabilities for more than one year, including bank loan interest, finance lease interest, and bond interest, with amounts of VND 23,284,331,414; VND 4,238,831,427; and VND 214,609,272,814, respectively. The Company has not yet identified a financial source to settle these obligations when due."

Giải trình của Angimex: Nhóm Công ty đang trong quá trình phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp theo đúng nội dung các hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng và theo qui định pháp luật/***Explanation by Angimex:*** *The Group is currently coordinating with the Bank to handle the collateral assets in accordance with the terms of the mortgage agreements signed with the Bank and in compliance with applicable laws and regulations.*

2. Báo cáo tài chính hợp nhất/*Consolidated Financial Statements:*

2.1 Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ/*Basis for Qualified Opinion:*
Ý kiến của Công ty kiểm toán/*Auditor's Opinion:*

Đến ngày phát hành báo cáo này, công nợ chưa được xác nhận với số tiền như sau như sau/As of the date of issuance of this report, the following outstanding balances have not yet been confirmed:

Khoản mục/Item	*VNĐ*
Phải thu khách hàng:	*172.099.829.729*
Trade receivables	
Trả trước cho người bán:	*140.894.971.033*
Advances to suppliers	
Phải thu khác:	*40.715.994.164*
Other receivables	
Phải trả người bán:	*16.444.149.897*
Trade payables	
Người mua trả tiền trước:	*66.864.365.451*
Advances from customers	
Phải trả khác:	*22.180.930.255*
Other payables	
Nhận ký quỹ ký cược:	*418.733.802*
Deposits received	

Giải trình của Angimex: Các khách hàng này đã tạm ngừng kinh doanh, đổi địa chỉ kinh doanh hoặc địa chỉ không rõ ràng,…dẫn đến không liên lạc được. Mặc dù Angimex đã cố gắng gửi hồ sơ đối chiếu công nợ cho khách hàng. Tuy nhiên vẫn không nhận được thư xác nhận số dư công nợ/***Explanation by Angimex:*** *These customers have temporarily ceased operations, changed their business addresses, or have unclear addresses, resulting in the Company being unable to contact them. Although Angimex has attempted to send debt confirmation documents to these customers, the Company has not yet received confirmation letters of the outstanding balances.*

2.2 Vấn đề cần nhấn mạnh/*Emphasis of Matter*

Ý kiến của Công ty kiểm toán/*Auditor's Opinion:*

"Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.3 "Thông tin về hoạt động liên tục" trong báo cáo tài chính hợp nhất về số lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2025 là 522.195.073.088 VND đã vượt vốn góp của chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu; Nợ phải trả lớn hơn Tổng tài sản 340.195.073.088 VND, như vậy Công ty có khả năng lâm vào tình trạng phá sản; Nợ phải trả ngắn hạn lớn Tài sản ngắn hạn là 1.115.584.613.027 VND, như vậy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty không đảm bảo. Những điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh VIII.3, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới với sự hỗ trợ tài chính từ chủ nợ, do đó Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày dựa trên giả định hoạt động liên tục"/"We would like to draw the readers' attention to Note VIII.3 'Going Concern Information' in the consolidated financial statements regarding the accumulated loss as of 31 December 2025 amounting to VND 522,195,073,088, which has exceeded the owners' contributed capital and equity. Total liabilities exceed total assets by VND 340,195,073,088, indicating that the Company may face the risk of bankruptcy. Short-term liabilities exceed short-term assets by VND 1,115,584,613,027, indicating that the Company's ability to settle its short-term obligations is not assured. These conditions, together with other matters described in Note VIII.3, indicate the existence of a material uncertainty that may cast significant doubt on the Company's ability to continue as a going concern. However, the Company's management believes in the Company's future business performance with financial support from creditors. Therefore, the Company's financial statements continue to be prepared by the Board of Management on a going concern basis."

Giải trình của Angimex: Nhóm Công ty đã thực hiện thanh lý một số tài sản cũng như thoái vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết trong năm 2026. Đồng thời Nhóm Công ty đang lên kế hoạch huy động vốn từ các tổ chức tín dụng hoặc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động và lên phương án xử lý nợ gói trái phiếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025. Dựa trên cơ sở này, Nhóm Công ty dự kiến có thể hoàn trả các khoản nợ và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo nên Công ty tiến hành lập báo cáo trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục/***Explanation by Angimex:*** *During 2026, the Group has carried out the liquidation of certain assets and divested its investments in several subsidiaries as well as joint ventures and associates. At the same time, the Group is planning to mobilize capital from credit institutions or conduct a private share placement to supplement working capital and to develop a plan to settle the outstanding bond obligations as of the time of preparing the 2025 financial statements. Based on these plans, the Group expects that it will be able to repay its debts and continue its operations in the next accounting period. Accordingly, the financial statements have been prepared on the basis that the going concern assumption is appropriate.*

"Tại Thuyết minh V.13, Công ty hiện đang có các khoản Nợ vay ngân hàng đã quá hạn thanh toán trên 1 năm được trình bày trên Báo cáo tài chính với số tiền là 271.450.032.818 VND. Hiện Công ty chưa tìm được nguồn tài chính để thanh toán đúng hạn các khoản nợ này"/ "As disclosed in Note V.13, the Company currently has bank loans that have been overdue for more than one year, which are presented in the financial statements with an amount of VND 271,450,032,818. The Company has not yet identified a financial source to settle these obligations when due."

Giải trình của Angimex: Nhóm Công ty đang trong quá trình phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp theo đúng nội dung các hợp đồng thế chấp đã ký kết *với Ngân hàng và theo qui định pháp luật/* ***Angimex's explanation:*** *The Group is currently coordinating with the Bank to handle the collateral in accordance with the terms of the mortgage agreements signed with the Bank and in compliance with applicable laws and regulations.*

"Tại Thuyết minh V.13, Công ty hiện đang có các khoản Nợ dài hạn đến hạn trả đã quá hạn thanh toán trên 1 năm : Nợ thuê tài chính và Nợ trái phiếu với giá trị lần lượt là 25.363.106.790 VND và 560.001.000.000 VND. Hiện Công ty chưa tìm được nguồn tài chính để thanh toán đúng hạn các khoản nợ này"/"As disclosed in Note V.13, the Company currently has long-term debts that have

become due but have been overdue for more than one year, including finance lease liabilities and bond payables with amounts of VND 25,363,106,790 and VND 560,001,000,000, respectively. The Company has not yet identified a financial source to settle these obligations when due."

Giải trình của Angimex: Nhóm Công ty đang trong quá trình thanh lý tài sản đảm bảo cho hai gói Trái phiếu AGMH2123001 và AGMH2223001 và đang lên kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ để xử lý nợ gói trái phiếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025. Đối với nợ thuê tài chính Nhóm Công ty Thực hiện phối hợp với Vietinbank Leasing trong việc bàn giao và tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng các tài sản thuê tài chính để thanh toán nghĩa vụ nợ cho Vietinbank Leasing theo các hợp đồng thuê tài chính đã ký kết theo quy định của pháp luật/***Angimex's explanation***: *The Group is currently in the process of liquidating the collateral for the two bond issuances AGMH2123001 and AGMH2223001, and is also planning a private share placement to address the bond obligations as at the time of preparing the 2025 financial statements. For finance lease liabilities, the Group is coordinating with Vietinbank Leasing to hand over and seek potential partners to take over the finance lease assets in order to settle the debt obligations to Vietinbank Leasing in accordance with the finance lease agreements signed and in compliance with applicable laws and regulations.*

"Tại Thuyết minh V.18, Công ty hiện đang có các khoản nợ Lãi vay đã quá hạn 1 năm : Lãi vay ngân hàng, Lãi thuê tài chính và Lãi trái phiếu với giá trị lần lượt là 23.284.331.414 VND, 4.238.831.427 VND và 214.609.272.814 VND. Hiện Công ty chưa tìm được nguồn tài chính để thanh toán đúng hạn các khoản nợ này"/"As disclosed in Note V.18, the Company currently has overdue interest payables that have been outstanding for more than one year, including bank loan interest, finance lease interest, and bond interest with amounts of VND 23,284,331,414; VND 4,238,831,427; and VND 214,609,272,814, respectively. The Company has not yet identified a financial source to settle these obligations when due."

Giải trình của Angimex: Nhóm Công ty đang trong quá trình phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp theo đúng nội dung các hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng và theo qui định pháp luật/***Angimex's explanation:*** *The Group is currently coordinating with the Bank to handle the collateral in accordance with the terms of the mortgage agreements signed with the Bank and in compliance with applicable laws and regulations.*

Kính trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết/ *Respectfully submitted to the State Securities Commission of Vietnam and the Hanoi Stock Exchange for your information.*

Trân trọng kính chào/ Yours sincerely./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

Nơi nhận/Recipients:
- Như trên/*As above*;
- Lưu/*Filed at:* VT/*Archives*, Người được UQ CBTT/*Person Authorized to Disclose Information.*

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG - ANGIMEX - M.S.D.N: 1600230737

LƯƠNG ĐỨC TÂM